TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ

RA HÀNG TUẦN

Tòa bảo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai
Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỐ NÀY :

* Chủ nghĩa kiêm-ái — *Hoa-Bằng*
* Tùy hứng — *Trực-Thần*
* Khảo về sử Tàu — *Ứng-Hòe*
* Lịch-sử thuốc lá — *Lê-văn-Ngôn*
* Hoa-tiên-truyện (II) — *Đào-duy-Anh*
* Vết tích thành Đại-la (III) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Bá-đa-Lộc và Hoàng-tử Cảnh (IV) — *Nguyễn Triệu*
* Tài liệu để định-chính những bài văn cổ (LVI) — *Ứng-Hòe*
* Tình trạng nền học xưa (III) — *Nhật-Nham*
* Đọc « Triết-học Nietzsche » — *Trịnh-như-Nghê*
* Nam-đàn bát châu (XIV) — *Nguyễn-đôn-Phục*
* Bản sách dẫn về Đại-nam liệt truyện (XIV) — *Lê-văn-Phúc*
* Đêm hội Long-trì (Tiểu thuyết, X) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

Năm thứ ba — Số 87
Thứ năm, 18 Mars 1943

0$20

Triết-nhân Đông-phương: Mặc-tử

CHỦ-NGHĨA KIÊM-ÁI

HOA-BẰNG

TRƯỚC khi học thuyết Mạc-tử ra đời, đã có hai học-phái chiếm thế lực trong tư-tưởng giới Trung-quốc, ấy là phái Lão và phái Nho. Phái Lão thì giàu về mặt suy-nghĩ và biện-luận trong phạm-vi triết-học, phái Nho thì chăm phát-huy cái đặc-sắc của luân-lý đạo-đức.

Nhưng lưu-tệ của phái trước là đưa người vào chỗ yêm thế, không thiết làm gì (vô vi) ; lưu tệ của phái sau là buộc người ở chỗ lê-nghi nhỏ-nhặt vụn-vặt.

Mặc tử, một nhân-cách tối cao, một triết-nhân nói sao làm vậy, đứng trước cái hoàn-cảnh xã-hội như tôi đã nói trong một bài trước, sao khỏi không nay ra một sức phản-động vô cùng mạnh-mẽ, để đương đầu với các học-phái kia. Vì vậy, trong cõi tinh-thần nước Tàu hồi đầu Chiến-quốc mới thành ra cái thế tam-phân : Lão, Nho và Mặc.

Đành rằng cái đại-tư-tưởng bác ái, hòa-bình ấy của Mặc Địch một phần là do trạng-thái tâm-lý cá-nhân của Mặc-tử, nhưng cớ lớn không phải không do hoàn-cảnh đương-thời đã tạo nên.

Cốt-tủy của tư-tưởng Mặc-tử là gì?

Là chủ nghĩa **kiêm ái**.

Các giáo-chủ trên thế-giới suốt đời tận tụy, vào tử ra sinh tuyên-dương đạo-lý, thật không ngoài hai chữ « yêu đời ».

Phật-giáo nói : « Không độ được hết chúng-sinh thì nguyện không thành phật ».

Gia-giáo nói : « Kẻ thù mình có đói, hãy cho ăn ; có khát, hãy cho uống ».

Cũng một ý đó, nhưng muốn cho xã-hội phát-triển trong vòng làm lợi lẫn nhau, Mạc-tử đề xướng chủ-nghĩa kiêm-ái.

Nguyên-tắc ấy thật ám hợp với ý « phả độ » của đạo Phật và nghĩa « yêu thương » của đạo Gia. Nhưng cái động cơ bác-ái của Mạc có khác với hai đạo này. Vì Phật, Gia thì từ tấm thiện-niệm và lòng từ-bi thuần-túy ; còn Mặc, chẳng nhiều thì ít, hãy còn có chỗ công-lợi, công-lợi vì thiên-hạ, chứ không phải vì cá-nhân.

Ý Mặc-tử muốn rửa sạch hết thảy tội ác trên đời, bài trừ những cái tư dục, tư lợi của loài người, rồi thay vào đó cái « yêu lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau » : « Phàm những cái tai vạ, giựt cướp, oán giận trong thiên-hạ... đều vì không yêu nhau mà sinh ra. Bởi vậy, người nhân giả chê sự đó. Đã chê sự đó thì lấy gì thay thế vào đấy?... Lấy cái phép *cùng yêu lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau* » (trích dịch thiên *Kiêm ái trung*).

Cái « yêu » của Mặc-tử là cái « yêu bình-đẳng » : coi đấng thân của người cũng như đấng thân của mình, thân-thể của người cũng như thân thể của mình, không hề phân-biệt một tơ-tóc gì cả.

Mặc-tử cắt nghĩa cái cớ thiên hạ sở dĩ loạn là vì ai nấy đều xô về mặt tư dục, mờ tối trong vòng chỉ biết riêng lợi cho mình, chứ không biết yêu nhau và làm lợi lẫn cho nhau ;

«...Từng xét cái cớ : tại sao sinh loạn ? Là vì không yêu nhau mà ra... Con yêu mình, không yêu cha, nên mới làm thiệt cha mà làm lợi cho mình, em yêu mình, không yêu anh, nên mới làm thiệt anh mà làm lợi cho mình ; bầy tôi yêu mình, không yêu vua, nên mới làm thiệt vua mà làm lợi cho mình... Dẫu đến cha chẳng thương con, anh chẳng thương em, vua chẳng thương bầy tôi... cũng bởi sự không yêu nhau mà ra cả... Kẻ trộm yêu nhà mình, không yêu nhà khác, nên mới lấy trộm của nhà khác để lợi nhà mình. Kẻ cướp yêu thân mình, không yêu người khác, nên mới hại người khác để lợi thân mình... Các đại-phú, ai cũng yêu nhà mình, không yêu nhà khác, nên mới làm loạn nhà khác để lợi nhà mình. Các nước hầu, nước nào cũng yêu nước mình, không yêu nước khác, nên mới đánh nước khác để lợi nước mình » (trích dịch thiên Kiêm ái thượng).

Muốn cho thiên-hạ khỏi những tai-vạ, cướp giựt và oán giận, thì chỉ có sự « yêu nhau » là con đường duy-nhất để đi đến cái đích

hạnh-phúc: «...chư-hầu yêu nhau thì không dã-chiến; gia-chủ yêu nhau thì không dành cướp nhau; người này và người khác yêu nhau thì không làm hại nhau; vua tôi yêu nhau thì quân huệ, thần trung; cha con yêu nhau thì phụ từ, tử hiếu; anh em yêu nhau thì huynh đệ hòa-thuận. Người trong thiên-hạ đều yêu nhau thì khỏe không bắt nạt yếu, nhiều không ăn hiếp ít, giàu không khinh nghèo, sang không ngạo hèn, xảo trá không lừa gạt ngu đốt. Phàm những tai-vạ, cướp giựt và oán hận trong thiên-hạ có thể làm cho không ló lên được, là do sự yêu nhau mà sinh ra...» (trích dịch thiên Kiêm ái trung).

Chủ-nghĩa kiêm-ái của Mặc-tử cốt-yếu ở mấy chữ này: « kiêm tương ái, giao tương lợi », nghĩa là « yêu lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau ». Có yêu lẫn nhau, mới làm lợi lẫn cho nhau; có làm lợi lẫn cho nhau, mới tỏ ra thực-hành được cái lý-luận yêu lẫn nhau ấy.

Một khi người đời đã yêu lẫn nhau, làm lợi lẫn cho nhau, thì ai nấy bỏ lòng tự lợi tự tư, thực-hành cái ý lợi tha, vị tha, khiến cho chủ-nghĩa hỗ trợ được sáng tỏ trong xã-hội, sẽ đi được đến cái kết quả đẹp là thiên-hạ bình.

«...Còn có trộm cướp ư? Coi nhà của người cũng như nhà của mình, ai còn lấy cắp? Coi thân-thể của người cũng như thân-thể của mình, ai còn làm hại? Vậy nên trộm cướp sẽ không có. Còn có hạng đại phu làm loạn nhà nhau, hạng chư hầu đánh nước nhau ư? Coi nhà người cũng như nhà mình, ai còn làm loạn? Coi nước người cũng như nước mình, ai còn đánh-chác? Cho nên việc đại-phu loạn nhà nhau, chư-hầu đánh nước nhau sẽ không có. Giá thử thiên-hạ yêu lẫn nhau, nước với nước không đánh nhau, nhà với nhà không làm loạn nhau, trộm cướp không có, vua, tôi cha, con đều biết hiếu từ, thế thì thiên-hạ sẽ bình trị. Cho nên thánh nhân đã làm việc trị thiên hạ, há lại không ngăn cấm điều ghét nhau, khuyến-khích sự yêu nhau? Vậy, thiên hạ yêu lẫn nhau thì trị, ghét lẫn nhau thì loạn...» (trích dịch thiên Kiêm ái thượng).

Để chứng thực công hiệu của chủ-nghĩa kiêm ái ấy, Mặc-tử dùng phép qui-nạp, dẫn lịch-sử làm lệ, tỏ rằng hiền vương đời xưa biết thực hành cái đạo kiêm-ái thì hái được những kết quả tốt đẹp biết bao! Chẳng hạn như vua Hạ-vũ giàu lòng yêu, có cái tinh-thần làm lợi chung cho thiên hạ; vua Văn-vương khi cai trị đất Kỳ, rộng yêu nhân dân, không cậy lớn mà hiếp đáp nhỏ, nên chính-trị tốt của hai vua ấy đã làm cho người ta được yên vui ấp-ủ dưới « cánh » yêu thương: hạng già hiem-hoi cũng được tuyền-vẹn tuổi thọ, hạng côi-cút không anh em cũng được có cơm an việc làm; hạng trẻ thơ không mẹ cha cũng được gìn-giữ săn-sóc cho song...

Như vậy, chủ-nghĩa kiêm ái — theo Mặc-tử — không phải viển vông, xa thực tế.

HOA BẰNG

TÙY HỨNG

TIẾC HOA

Có lẽ chiều mai nắng bớt vàng,
Chiều mai cơn gió bớt mơn-man.
Rồi hoa lần rụng — hồn tan tác —
Cánh úa thầm gieo khắp nẻo đàng.

Không biết ai còn tưởng đến hoa
Lạnh tình, chết ý: rã thời mơ?
Trong-vòng sương gió âm-thầm tủi,
Hoa chất chồng hoa, xác ngập mồ!

Cứ một mùa xuân bớt một loài
Hoa thơm, hoa thắm của trần-ai!
Lần lần hoa đẹp rơi tầm-tã,
Vườn vắng, cành trơ nặng cảm hoài.

Tôi biết làm sao giữ được hoa
Cho hương đừng lạt, cánh đừng sa?
Nếu ngày kia sẽ không hương phấn,
Thì ý, tình thơ hết đậm đà!

TRỰC-THẦN

KHẢO VỀ SỬ TÀU

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Nước ta, từ xưa đến nay, việc gì cũng theo Tàu, cho nên trong thời-kỳ học nho, học-trò phải học quyển « Sử đầu » (cũng có khi gọi là Sử thượng, chép từ đời Bàn-cổ đến Hạ, Thương, Chu), rồi học đến quyển « Hán Cao-tổ ». Học hết mấy quyển sử Tàu, rồi mới học đến Tứ thư, Ngũ kinh. Đến kỳ thi quan trường ra văn-sách, cũng hỏi đến sử Tàu. Thậm chí những việc tầm thường cũng đem người Tàu ra thí-dụ, như chúc vua là Nghiêu, Thuấn, khen quan là Phần-dương vương, nhà có con khá thì ví với cây quế của Yên-sơn, cây hòe của Vương-Hựu, nhà có cháu khá thì ví với Tạ-An và Tạ-Huyền..., toàn là người Tàu, còn người chép trong sử Nam thì không nói tới !

Từ ngày sửa đổi lại việc học, lấy sử Nam thay vào sử Tàu, không mấy người xem đến sử Tàu nữa. Nhưng văn-hóa của Tàu đối với nước ta có ảnh-hưởng sâu-xa ; vả lại gần đây chính-phủ cho học chữ nho nhiều hơn trước, lại có đặt ra một khoa học cổ-điển Viễn-đông; vậy thì phải có quyển sử Tàu, quyển văn-hóa Tàu, quyển mỹ-thuật Tàu : những sách ấy mà viết bằng quốc-văn thì chưa có quyển nào cả.

Nay ông Đào-duy-Anh xuất-bản một quyển đề là *Trung-hoa sử-cương*, chép lịch-sử nước Tàu, in khổ giấy 13 × 19, được 300 trang, xem ra có ích lắm. Trong chia ra từng bài ngắn-ngắn, nói tóm tắt dễ hiểu, lại có vẽ phác những bản đồ từng đời một.

Ông Đào-duy-Anh chỉ nói qua về việc lớn trong sử, cho nên ông không nói đến những việc mới tìm thấy ở đất Tàu, từ năm 1928, như việc hội Hàn-lâm Trung-hoa (Academia Sinica), chữ nho gọi là « Quốc lập trung-ương nghiên-cứu viện, Lịch-sử ngữ-ngôn nghiên-cứu sở » đào ở An-dương là chỗ kinh-đô nhà Thương về khoảng thiên-niên-kỷ thứ hai trước Thiên-Chúa. Người Tàu đã thuật rõ việc đào ấy trong bốn quyển *An-dương phát-quật báo-cáo*, in năm 1929-1933. Về sau có một người Mỹ tên là H. G. Creel, giáo-sư trường Đại-học Chicago, thuật lại trong một quyển sách đề là *La naissance de la Chine : la période formative de la civilisation chinoise, environ 1400-600 avant J.-C*, « Gốc tích nước Tàu : thời kỳ lập ra văn-minh Tàu vào khoảng năm 1400 đến năm 600 trước Thiên-Chúa », tức là nói về nhà Thương, nhà Chu.

Người Mỹ này đã được dự vào cuộc đi đào ở An-dương, thấy những mồ mả, tìm được những đồ đồng, đồ đá, đồ xương có chạm chữ cổ : về sau có người Tàu chép lại trong những sách đề là *Ân Chu thanh - đồng - khí minh - văn nghiên-cứu* (tìm nghĩa những chữ khắc ở những đồ bằng đồng xanh về đời Ân đời Chu) của Quách-mạt-Nhược, in nam 1931 ; *Giáp-cốt văn biên* (biên chép những chữ khắc ở các đồ bằng xương hoặc ở vỏ cây hay ở mai cứng của các giống vật) do Tôn-Hải-Ba soạn năm 1934.

Về việc đào ở An-dương, thuộc tỉnh Hà-nam, ngoài những chữ cổ, còn tìm được những đồ đồng cổ : các nhà khảo-cổ bên Âu Mỹ khen những đồ đồng ấy khéo hơn đời sau. Nhờ việc đào đó, mà nhiều đồ đồng, xưa nay chưa biết làm từ đời nào, nay có thể quả-quyết là về đời nhà Thương (tức nhà Ân). Lại có một điều lạ hơn nữa, là những đồ bằng đá hoa, chạm nổi hẳn lên như lối chạm đồ đồng : hình người và hình loài vật thì hệt lắm.

Quyển sách của ông Creel kể trên kia nói rằng : cứ theo Lộ-sử thì nước Tàu bắt đầu từ Bàn-cổ-Hữu-sào, Toại-nhân, Phục-hy, Thần-nông, Hoàng-đế, Nghiêu, Thuấn, rồi mới đến Hạ, Thương, Chu ; trong lại bịa đặt ra như Hữu-sào dạy dân làm lều để ở, Toại-nhân dạy dân dùi cây lấy lửa, Thần-nông dạy dân làm ruộng, Hoàng-đế dạy dân may quần áo, làm nhà cửa v.v. Lần lượt trước sau, thì mỗi quyển

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dầu là người mạnh, người phổi yếu, người bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng người bị lao
Giá 4$00

của **Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN**

TỔNG PHÁT HÀNH :

Hànội : *Hiệu sách Đông-Tây 195 Hàng Bông*
Huế : *Hiệu sách Văn Hòa 29 Maréchal Pétain*
Saigon : *Nhà sách Nguyễn-khánh-Đàm, 12 Rue Sabourain.*

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng. Xin hỏi nơi Ông Nguyễn Khánh Đàm.

chép một khác : xem như thế, đủ biết là chuyện bịa đặt. Cả đến chuyện vua Nghiêu gả hai con gái cho vua Thuấn và truyền ngôi cho, vua Thuấn lại truyền ngôi cho vua Vũ, cũng không lấy gì làm chắc : một giáo-sư Tàu tên là Cố-hiệt-Cang, tác-giả bộ *Cổ-sử-biện*, cho những ông vua ấy là tự đời sau đặt ra, chứ xét trong cổ-sử không có.

Đến đời Thương, đời Chu, thì nay tìm được những vết-tích đã nói ở trên, có thể coi là một đoạn sử rõ-ràng, không những ở sách chép, cả đến những vết-tích đào được nữa. Nhưng có sách chép nhà Thương vào năm 1765 đến năm 1123 trước Thiên-Chúa, có sách lại chép vào khoảng năm 1558-1051 trước Thiên-Chúa. Hai lối chép ấy chỉ đồng ý từ năm 841 trước Thiên-Chúa trở xuống. Từ ngày đào được đồ cổ và chữ cổ ở An-dương cũng không biết rõ thêm. Nhưng về văn-minh, chế-độ, tôn-giáo, mỹ-thuật của đời Thương, đời Chu, thì từ nay đã có tài-liệu đích-xác : ai muốn nghiên-cứu, nên theo những sách kể trên kia, cùng những sách của ông Creel đã kê ra cuối sách.

Ứng-Hòe
NGUYỄN-VĂN-TỐ

GIỚI THIỆU.

BỊNH HO LAO của Bác-sĩ Lê-văn-Ngôn là quyển sách rất cần cho các gia-đình, trong mấy thiên bác-sĩ Lê-văn-Ngôn đã cho ta biết những phương-pháp ngừa lao, săn sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng cho người bị lao.

Thật là một quyển sách rất có ích vì đến đây bịnh lao là một chứng bệnh thuộc về « tử chứng nan y » nên những sách nói về bệnh ấy vẫn có ích cho nền khoa học xứ này.

Sách in đẹp, dày hơn 300 trang do Nguyễn-khánh-Đàm 12 Rue Sahourain Saigon tổng phát hành và hiệu sách Đông-Tây 195 phố hàng Bông Hanoi đứng đại lý.

Tri Tân xin mừng Bác-sĩ Lê-văn-Ngôn đã đem sở học giúp ích cho khoa-học và xin vui lòng giới thiệu quyển « **bịnh ho lao** » với độc giả thân yêu.

TRUNG-HOA SỬ CƯƠNG (từ thái cổ đến ngày nay) của Đào-duy-Anh, do Quan-Hải tùng thư Huế xuất bản. Sách dày 300 trang, in giấy ta, giá 3$00.

Trung-hoa sử cương ra đời chính là lúc cần vì đến đây các sách khảo cứu về Trung quốc trừ sách viết bằng chữ Pháp, chữ Hán ra, không còn quyển nào viết bằng quốc văn cả.

Ông Đào-duy-Anh, nhà học giả chịu khó lưu tâm đến nền học, đã bổ cứu bằng cuốn sách trên, từ nay trong tủ sách khảo cứu của ta lại thêm được một quyển sử rất có giá trị.

Tri Tân xin mừng bạn Đào-duy-Anh, chúc bạn thành công trong công việc trước thuật và xin vui lòng giới thiệu « Trung hoa sử cương cùng độc giả của tạp chí.

T. T.

Đã có bán :

BA MƯƠI NĂM VĂN HỌC

của MỘC-KHUÊ giá 1 $ 35

Hay là cuộc tiến-hóa văn học nước nhà trong vòng ba mươi năm nay

Còn một ít.

LUẬN-TỪNG (1 $ 50) TRIẾT-HỌC EINSTEIN (2$30) TRIẾT HỌC NIETZSCHE (1 $ 95) TRIẾT HỌC KANT (1 $ 50)

Nhà xuất bản **TÂN VIỆT** đã dọn lại
29, LAMBLOT — HANOI

ĐÃ CÓ BÁN

THI NHÂN VIỆT NAM (1932-1941)

của HOÀI-THANH và HOÀI-CHÂN

In lần thứ hai

HÌNH-ANH MỘT THỜI-ĐẠI ĐỘC NHẤT VÔ NHỊ TRONG THI-CA NƯỚC NHÀ

Hơn 400 trang — gần 40 bức ảnh — Bìa của họa sĩ **Nguyễn-đỗ-Cung**

Giá bán : *Loại thường : 4 $ 25, loại bouffant hảo hạng : 7 $, loại versé baroque crème : 20 $*

NGUYỄN-ĐỨC PHIÊN xuất bản

Boite postale 34 Huế

LỊCH-SỬ THUỐC LÁ

của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

CÁCH nay không bao lâu, có một ông cố đạo khuyên mấy người đi thám hiểm trong rừng rậm ở Nam Mỹ châu — chỗ mà chưa có ngọn đuốc Van-minh soi tới — đừng quên đem theo ít kilos muối hột và một mớ thuốc lá. Chính ông đã từng «thí nghiệm»: lắm khi ông đi lạc vào trong rừng một mình bị phải một giống người vây phủ xung quanh mà chỉ trỏ, mà cười tẩm tắc, mà nói líu-lang với nhau. Cách ăn mặc đơn sơ, cái cử chỉ quê mùa mộc mạc của chúng tỏ ra đó là một dân tộc còn dã-man chưa hề để chơn ra khỏi chốn non cao rừng thẳm. Họ có thể làm hại tánh mạng kẻ đi thám hiểm. Muốn kết tình thân-mật với họ, ông cố đạo cho họ mỗi người một chut muối và một điếu thuốc lá. Chỉ bấy nhiêu, cũng đủ cho chúng tỏ vẻ vui mừng và cám ơn lắm lắm.

« Trên chót trái đất » (pôle) chỗ mà dân-tộc ở hang tuyết, ăn cá sống ; giữa bai sa mạc, chỗ mà dân-tộc chỉ có một cái khố thay cho quần áo, đâu đâu thuốc lá cũng có « để chơn » đến. Thế là đâu đâu no cũng là bạn thiết của nhân loại từ xứ còn cực kỳ dã-man cho tới xứ cực kỳ văn-minh, từ [illegible] rời nghèo khổ không có đủ hai [illegible] ăn mỗi ngày cho tới người [illegible]ền quý sống giữa ngọc ngà [illegible]u bau. Nó đã chuẩn thắng tất [illegible] hạp luật đầu có nghiêm khắc [illegible] bực nào. Không có ranh-giới nào, thành-lũy nào cản ngăn nó nổi. Một văn-sĩ đã nói khôi hài rằng : « Ta có thể chia nhân loại ra làm hai phe : một phe hút thuốc và một phe không hút thuốc ». Bên Âu Mỹ, trên nhiều toa xe lửa và xe điện, có bản đề chữ : « *Toa nầy dành cho người hút thuốc lá* ». Vậy mà trên xe ấy, trước khi quẹt diêm châm vào đầu điếu thuốc lá, ta đừng quên hỏi người thiếu-phụ lạ ngồi bên cạnh ta : « Xin lỗi cô, khói thuốc lá có làm cô khó chịu chăng ?» Tuy nhiên, người thiếu phụ lễ phép trả lời : « Xin ông cứ tự tiện ». Ta không thấy cô hút, nhưng biết đâu trong « sắc » *(sac)* cô lại không có một gói thuốc lá thơm mà ta thường kêu là thuốc « Ăng-lê» ? . . .

Phần đông chúng ta đây, tuy không bị nghiện nặng nhưng khi nguồn cảm tới dồi dào hay khi ngòi bút bị « nghẹt » viết chẳng ra câu, khi buồn, khi vui, khi làm việc, khi nằm nghỉ . . . mấy ai lại không đốt một điếu thuốc lá « phì phà » đặng dòm theo làn khói tuôn ra cuồn cuộn rồi bay lên tận chốn đâu đâu ? Ta làm bạn với thuốc lá đã lâu mà há chẳng có khi ta còn tự hỏi : « *bạn* » ta từ đâu tới đây ?

Dầu có thể cho là thừa, tôi cũng xin nhắc chuyện Christophe Colomb tìm đặng Mỹ-châu. Ngày 29 Octobre 1492, thuyền ông thả neo ở đảo Cuba. Ông ra lịnh cho hai người Y-pha-nho lên thám hiểm trên đất mới tìm đặng. Bốn ngày sau, hai người ấy trở về cho hay rằng họ có gặp rất nhiều đàn ông và đàn bà « ngậm trước miệng một cục lửa ». Họ lấy một thứ lá quấn cỏ khô vào trong rồi đốt một đầu và ngậm một đầu. Họ hít vô rồi phà khói ra và coi mỏi khoái lạc lắm . . . Bạn tàu của Christophe Colomb thấy chuyện lạ cũng làm thử, thử nữa, thấy vui vui rồi cứ... thử hoài. Trước sự hăm dọa của nhà chức trách biểu họ bỏ cái thói « dã man » ấy, thản-nhiên họ trả lời rằng : « Thà đừng cho chúng tôi ăn uống, miễn cứ cho phép chúng tôi ngậm mãi cục lửa nầy ».

Lần lần tục hút thuốc lá lan tràn cùng xứ Y-pha-nho. Lắm người, ban đầu tỏ vẻ khinh bỉ, trề môi rúng vai, nhưng rốt cuộc, tối ngày họ hút không ngớt miệng.

Bốn năm sau, Romano Pane đi thám hiểm ở Hispaniola về tuyên bố lên rằng cách hút thuốc lá ấy không được « nhã » và không được « đã » lắm. Ông có thấy đặng một cách hút thuốc lá khác « văn minh » hơn. Để lá thuốc trên một cục than cháy đỏ. Lấy một cái ống mà một đầu có chia ra làm hai nhánh. Nhét hai nhánh ấy vào hai lỗ mũi, còn đầu kia thì kề vào lá thuốc đang cháy đặng hít khói vào. Hít một hồi thì thấy lim dim như muốn ngủ, trong mình thấy hỏi say, tê mê mề mệt. Rất may là ngày nay chúng ta không dùng cách của Pane đã chỉ, vì với cách ấy, không những ta hút khói thuốc lá, mà ta còn hít luôn cả khói độc do cục than cháy đỏ (oxyde de carbone) mà sanh ra.

Từ Nam Mỹ-châu, nhờ sự giao thông dễ dàng, tới năm 1535, « ông thần khói » đã đi du lịch

khắp cả châu Mỹ. Ngài được hoan nghinh nhiệt liệt đến đỗi có một xứ, khi gặp nhau, người ta chào hỏi bằng câu: « Có thuốc lá, thưa ông, có thuốc lá ngon » và « Nếu không có thuốc lá, thưa ông, thì chúng ta chết hết ».

Năm 1558, thuốc lá vào thăm xứ Portugal (Bồ-đào-nha) và năm 1560 ông Nicot, sứ thần Pháp ở Portugal « rước » nó về Ba-lê đặng dâng cho Hoàng hậu Catherine de Medicis. Bà Hoàng hậu đem lòng yêu dấu người « khách » mới nầy và phong cho chức « Cỏ của bà Hoàng-hậu Medicis ». Bà dùng thuốc lá không những để hút mà còn để trị bịnh nhức đầu cho hoàng tử. Ban đầu cả triều thần rồi lần lần mọi người trong xứ, ai ai cũng bắt chước Bà. Thuốc lá thành một dược thảo dùng trị bá chứng, từ những bịnh tim, gan, phổi, cùi, lở lói đến những bịnh...do óc tưởng tượng tạo nên.

Từ đó, ở Âu châu, xứ nào cũng có trồng thuốc lá vì thuốc nhập cảng không đủ cho dân dùng. Người hút thuốc lá càng ngày càng đông. Ngày nay, xứ Hoà-lan là xứ có người hút thuốc lá nhiều hơn hết vì nếu đồ đồng, mỗi người dân mỗi nam hút hơn ba kilos thuốc.

Vậy nên, từ thế kỷ 17 tới thế kỷ 19, bên Âu-châu, hộp đựng thuốc lá (*tabatière*) là một vật rất cần thiết cho người đàn ông sang trọng, cần thiết như bâu áo có ren, dài cao gót và bộ tóc giả uốn quan mà đi đâu họ cũng phải mang theo: Hộp thì có cái làm bằng ốc xa-cừ, có cái bằng vàng, bằng bạc, có cái có nhậu hột xoàn. Mấy nhà chế tạo đua nhau chế ra tram ngàn kiểu. Mấy túi áo của vua Frédéric II nước Đức đã hóa thành những « hầu bao » đựng thuốc. Vị Đại-thần nước Anh là Petersham có cả thảy 365 hộp đặng thay đổi mỗi ngày trong năm; ngày nào hộp nầy. Ngài nồi « lòi đình chỉ nộ » nếu người nô bộc coi về việc nầy dàng lộn cho ngài một hộp thuoc không dung ngày cua no. Còn Hoàng đế Na-pha-Luân thì dùng thuốc lá nghiền thành bột đặng hít. « Long bào » của Ngài luôn luôn dính thuốc và hôi thuốc. Mỗi khi có cuộc hội họp đặng bàn về quốc sự mà bộ óc Ngài phải làm việc nhiều thì mắt Ngài thường dòm qua ngó lại nơi hàng Công Khanh Tể tướng. Hễ thấy vị Đại thần nào ngó Ngài thì Ngài đưa tay mặt ra, ngón trỏ dính với ngón cái. Biết ý Hoàng thượng, vị Đại thần dâng ngay hộp thuốc của mình. « Lịnh Muôn Năm » bèn lấy ra một chút đặng ngửi và trong khi bàn cãi, Ngài cầm hộp thuốc ấy lan qua lật lại trong tay một hồi rồi vô ý bỏ luôn vào túi của mình. Lắm khi, sau một cuộc hội họp như thế, có tới mười hộp thuốc đã theo cách ấy mà lăn vào túi Ngài. Bởi thế quan Đại thần nào cũng có ít lắm là hai hộp thuốc: một để dùng thường ngày, một để đem đi chầu. Mà hộp sau nầy làm bằng giấy cứng hay vật rẻ tiền, cốt để dâng cho Hoàng thượng khi nào Ngài hỏi đến.

***

Tuy sau được trọng dụng như thế, thuốc lá nào phải « thu phục được lòng người » một cách dễ dàng không có chi cản trở.

Bên Đức, năm 1691, ai hút thuốc lá thì bị bêu đầu. Hồi thế kỷ 18, cũng bên ấy, có lịnh ra rằng: « Cha mẹ phải cấm con hút thuốc. Người nào hút nhiều sẽ bị trừng phạt như họ say rượu. Cấm bán chịu thuốc lá vì Nhà nước không muốn dân vì hút thuốc mà phải mắc nợ ». Nhiều xứ khác cũng có ra luật cấm hút thuốc la. Đến năm 1849 — nghĩa là tới nay chưa đầy một tram năm — ở Thụy-sĩ, người nào chưa tới 20 tuổi không đặng hút thuốc. Kẻ nào trái lịnh sẽ bị phạt vạ và bị phạt tù. Qua tới nam 1900, luật ấy phải bị bai bỏ vì nhà chức trach nhận thay ràng nếu giữ lối cu thì không biết phai cat thêm bao nhiêu nhà pha nữa cho đủ chỗ chứa tội-nhon. Vua Gustave III của nước Thụy-điển — có le lúc ấy Thụy-điển là một cường quốc đứng vào bực nhứt nhì — bực mình phải hô to: « Trên qua đất nay, không có chi đang ghét hơn khói thuốc lá ».

Xét rõ ra thì ban đầu, tuy bị ngăn đường cản nẻo, thuoc la vẫn cứ âm thầm « làm việc » và lần lần tới đâu đều thắng trận tới đó. Rồi chẳng bao lâu về sau, nhà chức trách phải chịu thua và tìm cách lợi dụng kẻ « cựu thù » của mình. Năm 1604, vua Hồng-mao là Jacques 1er đánh thuế thuốc lá; rồi nam 1625, Charles 1er, cũng vua Hồng-mao, vì tài chánh trong nước bị khủng hoảng, buộc mấy nhà trồng thuốc lá phải bán tất cả thuốc trồng được cho Nhà nước để Nhà nước bán lại cho dân. Lần lần mấy nước khác bắt chước cái « cách làm tiền » dễ dàng rất lợi cho quốc khố này.

***

Ngày nay, m[illegible]t phen bạn qu[illegible] chơi bên Thụy sĩ, chắc bạn nh[illegible] kẻ viết bài nầy, không quên m[illegible] đem về ít gói xi-gà, thuốc lá [illegible] một vài hộp quẹt máy. Ấy bởi

(*Xem tiếp trang 15*)

HOA-TIÊN TRUYỆN

(*Tiếp theo*)

ĐÀO-DUY-ANH

SAU khi hiểu quí, ông vẫn nhất thiết giữ gia đình quy tắc, đối mình thì kiệm ước, đãi người thì giản dị ôn hòa. Người làng xóm nhà quê đều được cùng cười nói với. Khi họ nghe tin ông mất thì làng xóm không ai là không chảy nước mắt mà than tiếc. Trong vãn niên, ông ham đọc sách Luận-ngữ, thường nói : « Lời nói của thánh hiền thực là thiên địa hóa công, sách khác không bì được ». Lại thường răn Vinh này chớ nên đọc tiểu-thuyết ngoại thư, nói rằng : « Xưa ta từng đọc lầm ; loại sách ấy có thể di hoạn tính tình, mày cùng con cháu thì chớ nên, chớ nên . . . »

(Con mồ côi là Vinh (Nguyễn-Huy-Vinh 傑) khóc, lấy máu mà viết sau lễ Tiểu-tường một ngày, tháng bảy mạnh-thu năm Tân-hợi).

***

Đọc bản hành trạng ấy ta nên chú ý mấy điều :

1·) Câu ông răn con cháu chớ nên đọc tiểu-thuyết tỏ rằng ông viết truyện Hoa-tiên trước khi mất lâu lắm.

2·) Nhưng câu « Đương thời trước thuật rất nhiều » lại khiến ta [illegible]ờ rằng ông viết sách ấy sau khi [illegible]chịu tang nhạc-mẫu là năm 1783.

3·) Song xét ra lời hành trạng chỉ [illegible] phỏng chừng, ta không có thể [illegible] rằng truyện ấy chỉ viết trước [illegible]hi mất độ 5, 6 năm. Tôi đồng ý với ông Hoàng-xuân-Hãn (1) rằng « Có lẽ sách ấy (sách Hoa-tiên-ký chữ hán), cụ thân sinh đi Bắc-sứ mang về. Lúc bấy giờ ông cống trẻ tuổi thường ngày ra vào nơi cung vua, phủ chúa, lại làm rể ở tư đệ cụ Thiếu-bảo ở xóm Bích-câu. Vợ là một người hay chữ nôm. Cả họ hai bên cũng đều thích làm quốc-văn. Người nào cũng còn để lại bây giờ một vài bài. Thời thế, hoàn cảnh, tính tình đều đủ để cho *truyện Hoa-tiên-ký diễn nghĩa* ra đời ».

Theo bản chữ nôm ông Nguyễn-Huy-Cử cho tôi mượn thì quyển sách Nguyễn-Huy-Tự dịch ở sách Đệ-bát tài-tử của người Tàu, đề là *Hoa-tiên-ký* 花箋記. Tôi tin rằng bản ấy là bản chính của Nguyễn-Huy-Tự làm ra, chưa bị ai nhuận sắc, vì so sánh với quyển văn chữ hán thì thấy có nhiều chỗ gần hơn bản thông hành là bản đã do Nguyễn-Thiện nhuận sắc rồi.

Bây giờ ta hãy xem người nhuận sắc truyện Hoa-tiên thế nào. Theo bài tựa bản *Hoa-tiên-ký diễn nghĩa* của Vũ-đại-Vấn viết vào năm Kỷ-sửu, Minh-mệnh năm thứ 10 (1829) thì sách Hoa-tiên mà ngày nay ta thấy lưu hành là do Tiên-điền Nguyễn-Thiện nhuận sắc.

Theo gia-phả họ Nguyễn Tiên-điền thì Nguyễn-Thiện là con Nguyễn-Điều, tức là Điền-nhạc-hầu, làm quan đến chức Đốc-đồng, cháu Xuân-quận-công Nguyễn-Nghiễm, tức là cháu gọi Nguyễn-Du bằng chú ruột, mà là em họ hai bà vợ Nguyễn-Huy-Tự. Gia-phả chép : « Thiện 僔 tự là Khả-dục 可欲 hiệu là Thích-hiên 適軒, sinh năm Quí-vị (1763), con bà chính-thất họ Bùi (con gái Đoan quận-công Bùi-thế Đạt), ấm phong Hoằng-tín đại-phu Phó-trung-úy, Đại-nhạc-hầu. Khoa hương thi năm Quí-mão (1783) 20 tuổi, cùng đậu tứ trường với hai chú là Nguyễn-Nễ 体 và Nguyễn-Nhưng 仍. Khoa ấy xã ta đậu 5 người mà ông đứng đầu. Sinh bình ông chỉ lấy văn tự làm vui, trước thuật có : « *Đông-phủ thi-tập* 東甫詩集 và *Huyền-cơ đạo thuật bí thư* 玄機道術秘書 ». Em ruột ông là Nguyễn-Đạm, hiệu Nam-thúc 南叔, nổi tiếng văn học, cùng với chú là Nguyễn-Du dự hai tên trong An-nam ngũ tuyệt, làm những sách *Quan-hải tập* 觀海集, *Minh-quyên phổ* 鳴鵑譜, *Thiên địa nhân vật sự thư* 天地人物事書 ; sau khi triều Lê bại vong, nhất thiết ở ẩn để giữ trung-trinh với chúa cũ ».

Hiện nay tôi chưa có đủ tài liệu chắc chắn để xét xem Nguyễn-Thiện nhuận sắc Hoa-tiên vào khoảng nào, Ông Hoàng-xuân-Hãn,

Giá báo

Mỗi số	0 $ 20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi
Mua báo xin giả tiền trước

trong bài « Nguồn gốc văn Kiều » có bàn về vấn đề ấy. Ông so sánh tuổi Nguyễn-Thiện kém Nguyễn-Huy-Tự 20 tuổi, mà đoán rằng Nguyễn-Thiện là em, lại ít tuổi hơn nhiều, tất không dám sửa văn của anh khi anh còn sống, nên chỉ có thể nhuận sắc truyện Hoa-tiên sau năm 1790 là năm Nguyễn-Huy-Tự mất. Điều ức đoán ấy tôi nhận là đúng. Nhưng tôi không đồng ý với ông về chỗ cho Nguyễn-Thiện nhuận sắc Hoa tiên trước khi Nguyễn-Du viết Đoạn-trường tân-thanh. Ông lấy lẽ sách Đoạn-trường tân thanh viết vào khoảng từ năm 1815 đến 1820, mà Nguyễn-Thiện mất năm 1818, lúc 56 tuổi, tất ông chỉ có thể đọc Đoạn-trường tân-thanh vào hồi tuổi già, mà cho rằng hồi ấy ông không còn có thể nhuận-sắc truyện Hoa-tiên nữa. Vậy ông phải nhuận sắc truyện Hoa-tiên trước khi có Đoạn-trường tân-thanh, mà chính Nguyễn-Du đã bắt chước văn Hoa-tiên. Điều ức đoán này chưa hẳn là đúng, vì lẽ sau này :

Trong sách *Khảo luận về Kim Vân Kiều* đương in, tôi có nói rằng chúng ta không có tài-liệu chắc chắn để chứng tỏ rằng Nguyễn-Du được xem sách Kim Vân Kiều truyện khi đi sứ sang Trung-hoa và viết sách Đoạn-trường tân-thanh sau khi trở về nước (2). Điều ấy vốn chỉ là một điều ức đoán ta tạm nhận, mà không nên chắc hẳn. Duy, theo tâm-lý, thì ta có thể nói chắc rằng Nguyễn-Du viết Đoạn-trường tân-thanh sau khi về làm quan với triều Nguyễn. Theo lời lẽ văn Đoạn-trường tân-thanh thì ta còn có thể ngờ rằng một ông già đã ngoại 50 tuổi mà viết được những câu văn tươi tắn trẻ trung như thế ; biết đâu ông lại không làm sách ấy trước khi đi sứ ? Nếu ta đặt sự làm Đoạn-trường tân-thanh sau năm 1802 là khi Nguyễn-Du ra làm quan với triều Nguyễn, chứ không phải là sau năm 1814 là khi Nguyễn-Du đi sứ về, thì ta thấy Nguyễn-Thiện có thể đọc Đoạn-trường tân-thanh vào hồi 40 tuổi trở lên. Tôi tưởng rằng có lẽ Nguyễn-Thiện nhuận-sắc truyện Hoa-tiên sau khi được đọc văn của Nguyễn-Du. Điều ức-đoán của tôi còn có những lẽ sau này nữa :

Trong bản Hoa-tiên-ký mà tôi tin là bản chính của Nguyễn-Huy-Tự, thỉnh thoảng có câu giống văn Đoạn-trường tân-thanh, ví như những câu :

Bụi hồng dứt nẻo chiêm bao đi về.
Thần thờ mây sớm đèn khuya,
Trà gây giọng khát, hương chia mùi sầu.

Cứ những chỗ giống ấy, ta phải nhận rằng khi viết Đoạn-trường tân-thanh Nguyễn-Du còn nhớ lại văn Hoa-tiên của người cháu rể mà nhiều tuổi hơn ông. Nhưng so bản chính của Nguyễn-Huy-Tự với bản của Nguyễn-Thiện nhuận sắc thì ta thấy có nhiều đoạn Nguyễn-Thiện thêm vào, khiến khác xa với nguyên văn chữ hán, mà lại giống hệt những chỗ đặc biệt của văn Đoạn-trường tân-thanh. Đây tôi chỉ cử vài ba tỷ dụ :

Khi Giao-tiên theo cha về kinh, nguyên-văn nói :

« Mãn mục non sông còn bận ý, một khe nước chảy động người sầu. Liếc nhìn lại tam thần xem cảnh sắc, đa sầu đa muộn ở trong thuyền. Đường đi trải qua nam hiểm nghèo, đa đến hoàng-đô lên bờ đi ».

Nguyễn Huy-Tự dịch là :

Giang thiên tám bức sầu treo,
Thanh mai trạn khói, non chiều phiến mây.
Mạch phiền tuôn đọi kẻ ngày,
Phượng thành sáng mơ nào hay dã gàn.

Nguyễn-Thiện nhuận sắc là :

Giang sơn tám bức sầu treo,
Cảnh mây de chạnh, sắc chiều như xui.
Kìa đâu cát bằng một đồi,
Mấy chòm cỏ lục lòi thì hận nhi àn.
Kìa đâu mây tận chân ngàn,
Lưng đèo xao xác hợp tan chợ chiều.
Kìa đâu cuối phố đìu hiu,
Chân trời thấp thoáng con chèo về khơi.
Kìa đâu bờ bến lôi thôi,
Ngư thôn mấy nóc, mặt trời tà dương.
Kìa đâu nghi ngút khói sương,
Chầy khuya mấy tiếng chuông vang mái chùa.
Kìa đâu nước lạnh trời thu,
Động đình bằng lặng một hồ trăng ip
Kìa đâu ban tối đỗ thuyền,
Trắng bay hoa tuyết gió thiên một m

(Xem tiếp trang 1.

Muốn làm giàu mua vé số
Dông Phap
1p.00 một vé

VẾT TÍCH THÀNH ĐẠI LA

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

(Bài nối)

NĂM 767, sử chép nước Côn-luân và nước Đồ-bà đến an cướp nước ta lấy được châu thành. Bấy giờ Kinh-lược-sứ là Trương-bá-Nghi cầu cứu với Cao-chính-Bình, làm đô-úy ở Vũ-định. Cao-chính-Bình đem quân đến Long biên, cùng đánh quân Côn-luân và Đồ-bà, phá được ở Chu-diên. Trương-bá-Nghi dẹp xong, đắp La-thành (1). « Thành cao hai trượng hai thước (đời Đường, 618-905, mỗi trượng độ ba thước sáu tây) ; Thành có ba cửa : cửa đông và cửa tây mỗi cửa ba gian, cửa nam nam gian, trên cửa có vòm canh ; trong thành hai bên tả hữu mỗi bên nam dinh » (2).

Vì Cao-chính-Bình có công đánh giúp Trương-bá-Nghi, nên được thăng An-nam Đô-hộ-phủ ; nhưng Bình ác-nghiệt và thu thuế nặng, nên người Giao-châu ta-oán : hồi bấy giờ có những bậc anh-hùng nghĩa-khí như Phùng-Hưng, Đỗ-anh-Hàn (3) khởi binh vây phủ đô-hộ ; Cao-chính-Bình lo rồi chết.

Nam 791 vua Tàu cho Triệu-Xương sang làm đô-hộ. Lúc ấy châu Giao vẫn chưa yên. Triệu-Xương đến nơi, vỗ-về dân chúng, trong nước mới yên. Triệu-Xương được thang kinh-lược Chiêu-thảo sứ, đắp thêm La thành, « gần được bền-chặt ». Làm đô-hộ mười năm (4), vì đau chân xin về Tàu (năm 801). Vua Tàu cho Binh-bộ Thượng-thư là Bùi-Thái sang thay (5). Trong khi Bùi-Thái làm đô-hộ, dân-tình không phục, vua Tàu vời Triệu-Xương đến hỏi : Triệu-Xương lúc bấy giờ đã ngoài bảy-mươi tuổi mà tâu đối vẫn tinh-minh ; vua Tàu lấy làm lạ, lại cho sang làm đô-hộ. Chiếu-thư đến nơi người trong châu mừng-rỡ, nước Nam lại được yên.

Triệu-Xương làm đô-hộ đến đến năm 808, vua Tàu cho Trương Chu lên thay. Trương-Chu sửa đắp thành Đại-la (6), nhưng sử không chép rõ cao rộng bao nhiêu và cách-thức thế nào, chỉ thấy chép năm 824, mùa đông, tháng 11, đô-hộ là Lý-nguyên-Gia cho cửa thành Đại-la « có nghịch-thủy, sợ người trong châu sinh ý làm phản, nhân dời phủ-trị đến bờ sông Tô-lịch » (7). Sách *nhất thống chí* nhà Thanh chép « sông Tô-lịch từ phía đông-bắc phủ-thành châu Giao, chuyển ra phía tây, chảy thẳng đến Nhuệ-giang (nay là sông Hà-đông, tục gọi là sông Tó). Xưa có người tên là Tô-lịch ở đấy, cho nên đặt tên là sông Tô-lịch. Đầu năm Vĩnh-lạc (1403) nhà Minh. Hoàng-Phúc đào thêm sông ấy, nhân thế đổi tên là Lai-tô. Nay ở phía đông tỉnh thành Hà-nội, huyện Thọ-xương, có cửa sông ấy là chỗ từ Nhị-hà phân-lưu ra đấy » (8).

Năm 866, Cao-Biền làm Tiết-độ sứ nước Nam (bấy giờ nước Nam gọi là Tĩnh-hải-quân tiết-trấn), bắt đầu đắp lại thành Đại-la. «Cựu-sử» chép « thành Cao-Biền quanh khắp 1.982 trượng 5 thước (tính vào thước tây, được độ chừng 7.000 thước), thành cao 2 trượng 6 thước, chân thành rộng 2 trượng 5 thước ; bốn mặt nữ-tường (là tường thấp) cao 5 thước 5 tấc. Có 55 lầu vọng địch (để trông giặc), sáu cửa tò-vò, ba cừ nước, 34 con đường đi. Lại đắp đê con (tức con trạch) vòng quanh 2.125 trượng 8 thước, cao một trượng 5 thước, chân rộng hai trượng, và làm hơn bốn mươi vạn gian nhà » (9).

Bộ *Khâm định Việt sử* (quyển 5, tờ 11 b) để một câu « cần án » ở dưới đoạn « cựu-sử » ay như thế này : « Thành Đại-la ở Long-biên, đời Đường, Trương-bá-Nghi (năm 767) đắp ra, Triệu-Xương (năm 791), Lý-nguyên-Gia (năm 824) sửa sang nối theo, không phải bắt đầu từ Cao-Biền (năm 866). Cựu-sử chép Cao-Biền đắp La-thành làm hơn bốn mươi vạn gian nhà, tưởng cũng là lưu truyền không đúng, sợ khó tin hết. »

Đến đời Gia-long có quyển *Bắc-thành địa dư chí* (bản sao của Trường Bác-cổ số A 81, quyển 1, tờ 1 a) chép « thành Thang-long, phía đông từ chân thành đến giáp bến Nhị-hà, đi độ một khắc, qua sang bên kia là huyện Gia-lâm, trấn Kinh-bắc ; phía tây từ chân thành đến giáp giới huyện Từ-liêm»

Thống chế Pétain đã nói :

Vì nghĩa-vụ, Bản-chức phải coi những kẻ buôn thầm bán lén như những người phá hoại sự thống nhất của nước Pháp.

trấn Sơn-tây, đi độ hai khắc ; phía nam từ chân thành đến giáp giới huyện Thanh-trì, trấn Sơn-nam-thượng, đi độ ba khắc ; phía bắc từ chân thành đến giáp giới huyện Từ-liêm, trấn Sơn-tây, đi độ hai khắc. Thăng-long tức là tên chung gọi thành Đại-la của Trương-bá-Nghi và Cao-Biền. Trước kia vua Lý Thái-tổ (1009-1028) dời kinh-đô từ Hoa-lư đến đây, nhân điềm con rồng, đổi tên là Thăng-long, nghĩa là rồng bay lên. Đến đời Gia-long đổi chữ long là rồng làm chữ long là thịnh, nghĩa là thăng bình long thịnh (thái bình thịnh vượng). Năm thứ tư đời Gia-long là năm ất-sửu (1805) sai đắp thành, chu vi 1958 tầm (tám thước ta là một tầm) 2 thước 5 tấc, thềm thì xây đá, ngoài thành đều đào hào sâu, nước hào đi quanh khắp thành », nay cũng phá đi gần hết cả, còn di-tích gì thì ông André Masson đã chép trong quyển *Hanoi pendant la période héroïque (1873-1888)* ở trang 53-85, như bệ rồng đá đời Lý, cửa Bắc ở phố Carnot, cột cờ ở phố Puginier, v... v...

(Còn nữa)

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

---

1) Chép theo **Khâm định Việt sử thông giám cương mục**, *tiền biên, quyển 4, tờ 24 a, và* **Đại Việt sử ký toàn thư** *ngoại kỷ quyển 5, tờ 4 b. Quyển* **An-nam chí nguyên** *(bản in của Trường Bác-cổ, trang 157) biên Cao-chính-Bình làm hiệu uy. Bộ* **Khâm định Việt-sử** *(quyển 4, tờ 24 b) chua nước Côn luân ở phía nam nước Lâm ấp (Chiêm thành, Champa) ; còn nước Đồ bà đông giáp Lục chân lạp (Cao mên), tây giáp Đông thiên trúc, nam giáp bể, bắc, giáp Nam chiếu.*

2) Chép theo **An-nam chí-nguyên** *(sách in của Bác cổ), trang 158.*

3) **An-nam chí nguyên**, *trang 157 ;* **Khâm định Việt sử**, *quyển 4, tờ 26 a.*

4) **An nam chí nguyên**, *trang 158 ; trong có chép thêm rằng : « Triệu Xương xem khắp danh sơn đại xuyên, cổ tích, từ đàn, ở các quận, chép làm* **Phủ kỷ** *(có sách sao là* **Phủ chí***) Nam Trinh nguyên thứ 19 năm 803, sử Ta chép là năm Trinh nguyên thứ 17 (801) Triệu Xương tư dâng biểu xin người khác thay chức đô hộ ».*

5) **Khâm định Việt sử**, *quyển 4, tờ 27 a, chép một đoạn* **An nam kỷ yếu** *như sau này : « Triệu Xương sai sứ dụ Phùng An, là con Phùng hưng. Phùng An đem quân xin hàng ».*

6) **Khâm định Việt sử**, *quyển 4, tờ 28 b. —* **Đại Việt sử ký toàn thư** *quyển 5, tờ 7 a, chép « Trương Chu đắp thêm thành Đại la, và làm ba trăm chiếc thuyền mông đồng là một thứ thuyền hẹp và dài để xung đột vào thuyền giặc ; mỗi chiếc 25 người chiến thủ, 23 người phu chèo thuyền chèo nhanh như bay ».*

7) **Khâm định việt sử**, *quyển 4, tờ 31 a, trong có nói thêm rằng :*

« Mùa đông, tháng 11, năm giáp thìn (824), đô hộ là Lý nguyên Gia dời phủ thành ra ở ngoài cửa Đông quan ». **Đại việt sử ký toàn thư** *(quyển 5, tờ 7 b) « xét phủ thành đô hộ về trước, nay ở ngoài thành Đông quan, gọi là La thành ; sau Cao Biền đắp ngoại thành ở Kim thành cũng gọi là La thành ».*

8) Henri Maspero, **Le protectorat général d'Annam sous les T'ang essai de géographie historique**, *đăng trong* **Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême Orient**, *quyển X năm 1910, trang 553-554.*

9) **Khâm định việt sử**, *quyển 5, 10 b, 12 b.*

Văn-liệu Từ điển

Những thành-ngữ và từ ngữ của ta trong các thơ văn xếp đặt lại thành một pho từ điển, *rất tiện cho sự tra cứu trong khi đọc sách* và *nhất là cho các học-sinh học khoa quốc-văn trong các trường.*

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH

Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

Sách khổ rộng **16 x 25** ngót 400 trang

Giá bán lẻ . . . . . 5$00

Vị nào gửi tiền đặt mua trước ngày 1er Mai 1943, xin biếu 10 %. cước phí không phải chịu.

Những giáo-sư các trường công tư, đặt tiền mua trước từ 10 quyển trở lên xin biếu 20 %. cước phí không phải chịu.

Thư và ngân phiếu xin gửi và đề rõ :

Ô. Quảng-vạn-Thành

16, Phố Lê Lợi — HANOI

51, Doumer — HAIPHONG

Cùng các nhà văn dự thi giải **« Alexandre de Rhodes »**

Về cuộc thi dịch Pháp-văn của bản-hội tổ-chức, nhiều bạn không gửi kèm nguyên-văn, hoặc quên ghi tên cuốn sách đem dịch.

Muốn tiện việc khảo-duyệt cho được công-minh, xin các bạn kíp gửi nguyên-văn đến hội Alexandre de Rhodes 6 Bd P. Pasquier Hanoi

BÁ ĐA LỘC VỚI HOÀNG TỬ CẢNH

Số IV

NGUYỄN TRIỆU

ĐÂY nói về hoàng-tử Cảnh. (1)

Hoàng-tử là con trưởng vua Gia-long và Thừa-thiên hoàng-hậu, (2) sinh ở đất Gia-định ngày mồng 2 tháng 3 năm Canh-tý nhằm 6 Avril 1780, giữa lúc quân Tây-sơn đang lừng-lẫy tung-thành và vua Nguyễn bôn ba nay đây mai đó.

Bấy giờ sau khi vua Nguyễn bị thua to ở cửa Cần-giờ hồi tháng 3 năm Nhâm-dần (Mars-Avril 1782), và binh thuyền nhà Nguyễn bị đại-binh của Nguyễn-Huệ, Nguyễn-Lữ đánh phá tan tành trong sông Sài-gòn hồi năm Quý-mão (1783), nhà vua chạy xuống Ba-giồng, các quan chạy theo được chỉ có Nguyễn-kim-Phẩm và năm sáu người. Kể lại bị bộ-binh của Huệ đánh đuổi, vua chạy xuống Bến-lức, lội được sang sông Vàm-cỏ-đông (Vaïco Oriental) đến Bến-chanh rồi về được đến Mỹ-tho rước quốc-mẫu và cung-quyến chạy ra đảo Phú-quốc, đóng ở núi Đá-chồng. Sau lại bị thủy-quân Tây-sơn đến vây đánh, vương chạy sang đảo Côn-lôn, rồi lại trở về được Phú-quốc, cho mời Bá-Đa-Lộc từ Chantaboum tới để bàn việc sang cầu-viện nước Đại-Pháp.

Tháng 3 năm Giáp-thìn (1784), vua Nguyễn sang Xiêm xin viện-binh, tháng 6 xin được quân cứu-viện về.

Sau khi viện-binh Xiêm bị đánh tan ở Rạch-gầm (Mỹ-tho) và nhà vua không còn trông cậy gì được [illegible]o nước Xiêm nữa, ngài bèn giục [illegible]-Đa-Lộc đưa hoàng-tử Cảnh sang [illegible]u-viện nước Đại-Pháp rồi đưa cả [illegible]ương-mẫu cùng cung-quyến sang [illegible]ánh ở Vọng-các.

Tháng chạp (Décembre 1784) Bá-Đa-Lộc dắt Hoàng-tử Cảnh cùng Phạm-văn-Nhân và Nguyễn-văn-Liêm dời hòn Phú-quốc xuống thuyền ra đi.

Tháng giêng năm Ất-tị (Février 1785), con thuyền tới Pondichéry và ở nấn-ná mãi đến tháng sáu năm Bính-ngọ (Juin 1786), Bá-Đa-Lộc và Hoàng-tử mới đáp tàu «*Malabar*» sang nước Pháp.

Tháng giêng năm Đinh-mùi (Février 1787), tàu «*Malabar*» vào cửa Lorient.

Bá-Đa-Lộc đưa Hoàng-tử Cảnh vào bộ-kiến Pháp-hoàng là Louis XVI tại cung Versailles, tâu bày, tường-tận về tình-hình nước Nam và nói đến cả những quyền-lợi dành cho nước Pháp. Pháp-hoàng liền họp đình-nghị và ưng-thuận ngay.

Lúc này Hoàng-tử Cảnh đã 8 tuổi, được tiếp rước trọng-thể theo vương-lễ trong cung Versailles. Bấy giờ trong hoàng-cung có tổ-chức nhiều yến tiệc linh đình để mừng hoàng-tử và lại còn đặt ra mấy khúc hát để kỷ-niệm :

. . . . . .

Dans cet asile est le bonheur ;
J'y vois la vertu, la candeur ;
Mes enfants, avec allégresse,
Joignez-vous à ma faible voix !
Je veux célébrer à la fois.
L'auguste enfance et la sagesse.
Tôt, tôt, tôt
Battons chaud,
Tôt, tôt, tôt.
Bon courage.

Il faut avoir cœur à l'ouvrage :
Commençons par l'illustre enfant
Que son sort est intéressant !
Fait pour porter le diadème,
On le voit assis parmi nous ;
Royal enfant, consolez-vous,
Vous régnerez, Adran vous aime.
Tôt, tôt, tôt.

. . . . . .

Ảnh Hoàng tử Cảnh douperin bọc từ năm 1787
(Kinh ảnh của Sociés Etudes Indochinoises)

Nhà danh-họa Mauperin thời bấy giờ cũng đã có vẽ mấy bức truyền-thần hoàng-tử và Bá-Đa-Lộc mà tới nay hãy còn.

Năm Đinh-mùi (1787) sau khi ở Xiêm về, nhà vua nhớ hoàng-tử và mong tin cứu-viện của Đại-Pháp, bèn sai quan Hộ-bộ là Trần-phúc-Đái và Tiểu-sai-đội là Tống-phúc-Ngọc đi đón. Song mãi đến tháng sáu năm Kỷ-dậu (19 Juillet 1789) mới từ Pondichéry về nước, ghé Poulo-condore ngày 19 Juillet và ngày mồng 3 tháng 6 năm Kỷ-dậu (24 Juillet 1789) tàu «Méduse» đến cửa Ô-cấp.

Bấy giờ vua Nguyễn đã khắc phục hẳn được thành Gia-định lần thứ tư từ năm trước, nghe tin xiết bao mừng rỡ, bèn sai Tôn-Thất Hội đem binh thuyền ra cửa Cần-giờ đón Đức-thầy và Hoàng-tử — Khi gặp Hoàng-tử-Cảnh ở tàu mới bước lên, vua Nguyễn an-ủi rằng : « *Con ta chân trời góc bể, ra đi đã 6 năm trường nay lại còn được trông thấy, thực là may lắm !* » Kế đó, văn võ bá quan xin lập Hoàng-tử lên ngôi chừ-nhị, song nhà vua thấy Hoàng-tử còn nhỏ, chưa muốn cho vội.

Sang đến năm Qúy-sửu (1793), Hoàng-tử Cảnh đã 14 tuổi ; quần-thần lại tâu xin lập lên làm Đông-cung. Ngày 21 tháng 3 năm Quý-sửu nhằm 1er Mai 1793, Nguyễn-vương lập Hoàng-tử lên làm Đông-cung, phong là Nguyên-soái quận-công, ban ấn Đông-cung, dựng phủ Nguyên-soái, đặt ra liêu-thuộc và lấy văn võ đại-thần, mỗi bên một viên để theo giúp việc Đông-cung : các việc nhỏ thì do các quan đại-thần xử-phán, còn việc lớn thì phải đệ trình Soái phủ quyết-đoán, để tập việc chính-trị.

Vua lại đặt ra nhà Thái-học, chọn quan phụ-đạo; đốc-học, hàn-lâm thị-học, và ủy-thác cho Trịnh-hoài-Đức (3) và Lê-quang-Định (4) dạy Đông-cung học.

Đông-cung nói câu gì hoặc làm việc gì, thì các quan thị-học phải ghi chép lấy cả.

Tháng tư năm ấy, vương thân-chinh ra đánh Qui-nhơn, lưu Đông-cung ở lại trấn thủ thành Gia-định.

Tháng 11, vương lại sai Đông-cung cùng Bá-đa-Lộc và lũ Phạm-văn-Nhân, Tông phúc-Khê ra giữ thành Diên-Khánh. Khi đi, ngài dụ rằng :

— « *Từ xưa đế-vương ai cũng phải học : Vua Thái-Giáp có học mới làm được chúa hiền, vua Thành-vương có học mới trở nên được vua giỏi. Vậy khi nào rỗi-rảnh việc quân, con phải nên nghe lời sư-phó và siêng xem sách-vở. Như thế thì những lúc binh-cách, đã biết được phép khiển tướng điều binh và khi thái-bình cũng biết được đạo tề gia, trị quốc. Còn những tả hữu ra vào, thì nên kén lấy đoan-nhân, chính sĩ, chớ đừng nên gần những kẻ chẳng ra gì* ».

Đông-cung lậy mà vâng mạng. Sau khi đến trấn, trăm họ mến phục.

(Còn nữa)

NGUYỄN-TRIỆU

1) Phỏng theo Đại-Nam liệt-truyện và Thực-lục nhất kỷ.

2) Con gái Tống phúc-Khuông.

3) Xem Tri-Tân số 7 trang 12-13.

4) Xem Tri-Tân số 8 trang 10.

Nên giúp Hội Truyền-Quốc-Ngữ là hội dạy thảy người nghèo thất biết đọc và biết viết nước nhà.

TÀI LIỆU ĐỂ ĐÍNH CHÍNH

NHỮNG BÀI VĂN CỔ

Số 56 *Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ*

CXXXV

KIM VÂN KIỀU (*bài nối*)

Quyển *Đoạn-trường tân-thanh* của cụ Kiều-oánh-Mậu (tờ 31 a) chép là: *Đủ ngần ấy nết, mới là làng soi.* Quyển Quan-văn-đường và quyển Kiều của ông Vĩnh chép là « *người* soi », quyển chú thích của Trường Bác-cổ chép là « *người chơi* ».

Từ đây trở xuống, câu nào chép trên là lấy ở *Đoạn-trường tân-thanh*:

Thân sao bướm chán, ong chường bấy *thân.*

Quan văn đường cũng chép thế. Quyển chú-thích và quyển của ông Vĩnh chép là « mấy *thân* ».

Nhưng mình nào có biết xuân là gì!

Các quyển khác đều chép chữ biết ở trên chữ có.

Nửa rèm tuyết ngậm, bốn hè *trăng thâu.*

Chỉ có ông Vĩnh viết chữ « bốn *bề* ».

Vui là vui gượng kẻo là.

Chú-thích và ông Vĩnh chép là « kẻo *mà* ».

Sân hòe đôi chút thơ ngây.

Kinh-bản đồi là: « Long-đong nhà bạc em ngây », nhưng cụ Kiều oánh Mậu không theo.

Hoa kia đã chắp cội này cho chưa?

Quan văn đường và ông Vĩnh là « *cành* này »; chú-thích là « *cây* này ».

Bấc hương quan luống lần mơ canh dài!

Quan văn đường và chú thích chép là « *những* mơ »; ông Vĩnh chép là « *mần* mơ ».

Đã cho lấy kiếp *hồng nhan.*

Quan văn đường chép là: « Đã *đầy vào* kiếp hồng nhan; ông Vĩnh và chú thích chép là: « Đã *cho lấy chữ...* ».

Kì-Tâm họ Thúc, cũng nòi *thư hương* ».

Quan văn đường và chú thích chép là « cũng *loài* thư hương ».

Chiều *xuân càng gió, càng mưa, càng nồng.*

Các bản khác đều viết « *ngày* xuân ».

Ngày xuân lắm lúc quên *về với xuân.*

Các bản khác viết chữ « đi *về* ». Cụ Kiều-oánh-Mậu cho chữ « quên về » bởi chữ « Lạc nhi vong qui », nghĩa là vui mà quên về.

Mệt mê *trong cuộc chuy-hoan.*

Quan-văn-đường và ông Vĩnh chép « *Miệt-mài* », chú-thích chép « *mơ màng* ».

Thúc-sinh quen nét *bốc dời.*

Chú-thích và ông Vĩnh chép « quen *thói* ».

Máu tham ngửi *thấy hơi đồng thì mê.*

Ông Vĩnh và Quan-văn-đường chép « Máu tham *hễ* thấy ».

Rõ màu *trong ngọc trắng ngà.*

Chú-thích và ông Vĩnh chép là « Rõ-*ràng* ».

Ngụ *tình tay thảo một thiên luật Đường.*

Quan-văn-đường và chú-thích chép « *Tả tình* ».

Nàng rằng: « *Vâng biết* lòng *chàng* ».

Chỉ có một mình ông Vĩnh chép là « *ý* chàng ».

Lòng quê dở *một vài điều ngang-ngang!*

Quan-văn-đường chép *Nỗi quê còn* một *hai* điều ngang ngang »; chú thích chép « *Lòng quê nghĩ* một *hai* điều ngang ngang; ông Vĩnh chép: « *Nỗi quê nghĩ một hai* điều ngang-ngang!

Lòng còn gửi đám mây Hàng.

Quan văn đường và chú thích chép là « mây *vàng* ».

Đoạn trường lúc ấy dở *mà buồn tênh.*

Các bản khác đều viết chữ « *nghĩ* mà ».

Chàng như con bướm liệng vành chút *chơi.*

Các bản khác đều viết « *mà* chơi ».

Lòng kia giữ được thường thường thế *chăng?*

Các bản khác đều viết là « *mãi* chăng ».

Lượng *trên trông xuống, biết* lòng *có thương?*

Các bản khác đều viết « *Lòng* trên trông xuống »; ông Vĩnh lại chép là « biết rằng có thương ».

Đành thân phận thiếp ngại *danh giá chàng!*

Chú thích viết là « *nghĩ* danh giá chàng ».

Hoàn lương *một thiếp thân vào cửa công.*

Chú thích và Quan văn đường chép là « Hoàn nguyên ».

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Giới thiệu

Bản chí mới nhận được quyển « Les réalisations de la Révolution nationale en Indochine » (Công cuộc quốc-gia cách-mệnh đã thực-hành tại Đông-dương) do phòng Thông-tin Tuyên-truyền và Báo-chí Bắc-kỳ gửi tặng.

Sách dày 174 trang, khổ 14 x 19, in đẹp, trình bày có mỹ-thuật, xuất-bản tại Saigon năm 1942.

Quyển sách này mục-đích diễn tả một cách lược-giản và rõ-ràng công-cuộc khai-hóa của Chính-phủ Pháp tại Đông-dương từ cuộc đình-chiến tháng Juin 1940 tới nay. Những tài-liệu xác-thực đều do các công-sở thu-thập.

Đọc qua quyển sách này, độc-giả sẽ được mục-kích ngay một bản đồ rõ rệt những công-cuộc quốc-gia cách-mệnh của chính-phủ Pháp đã thực-hành tại Đông-dương, về mọi phương-diện chính-trị, kinh tế, văn-hóa, xã-hội, chuyên-môn, thực-hành, tài-chính, hành-chính... dưới chính thể của quốc-trưởng Pétain.

Quyển sách này sẽ giúp ích cho các nhà khảo-cứu, các nhà chính-trị, muốn biết tới trình-độ tiến-hóa của xứ Đông-dương, mà đồng bào ta ai quan-tâm đến tiền-đồ tổ-quốc xem sách này sẽ thâu thái được nhiều điều ích lợi.

Vậy xin chân-trọng cảm tạ phòng Thông-tin, Tuyên-truyền và Báo chí Bắc-kỳ và xin vui lòng giới thiệu với các bạn đọc thân-yêu của Tri-Tân một tác-phẩm quí giá.

NHẬT-NHAM

Thống-chế Lyautey đã nói: « Ta là một sinh vật chỉ ưa hoạt động ». Chúng ta nên theo gương ngài.

Hãy im đi! những kẻ ích kỷ, những kẻ lười biếng, những kẻ chê bai.

Chúng ta đừng nên chia rẽ nhau vì những ý tưởng viển vông, nên hợp sức lại mà tìm phương kế hàng ngày giúp nước.

Lịch sử thuốc lá

(*Tiếp theo trang 7*)

đó, thuốc đã thơm ngon mà giá lại rẻ và mua một gói lại được tặng riêng một hộp diêm; còn hộp quẹt máy thì chỉ có ít cắt một cái mà thôi.

Mà bạn đã giấu mấy vật ấy kỹ cẩng chưa? Bạn hãy bước mạnh chơn và đừng tỏ vẻ sợ sệt, lo lắng khi lính nhà đoan xốc va-li, rờ các túi nhé! Coi chừng, nếu để họ bắt gặp đặng thì bạn phải bị phạt vạ một cách nặng-nề... nặng-nề lắm đấy, bạn ạ!

(*Trong một kỳ tới:* **« Hút thuốc lá có hại chăng?»**)

Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

Hoa Tiên Truyện

(*Tiếp theo trang 9*)

Kìa đâu trúc lệ nhuộm thâu,
Tiêu-tương lích chích hưa mau canh chày.
Cảnh kia thêm bận lòng này,
Phượng-thành sảng mơ, nao hay đã gần.

(*Còn nữa*)

ĐẠO-DUY-ANH

(1) Nguồn gốc văn Kiều, Thanh-nghị số xuân năm Qui-vị, Février 1943.

(2) Chú thêm: Nguyễn-văn Thắng, tác giả Kim Vân Kiều án, đậu cử nhân năm 1802 lúc 43 tuổi, sau khi Nguyễn Du mất 5 năm, thế là người ta có thể xem là bậu tiên cùng thời với Nguyễn-Du, trong bài tựa Kim Vân Kiều án đã viết rằng: "Xưa nhà Ngũ Vân-Lâu bên Tàu in bản thực lục đã lưu hành khắp chỗ, từ trước đến nay. Kịp đến quan Đông các nước ta phu diễn ra quốc-âm"....

Bản "thực lục" nói trên có lẽ là chỉ bản Kim Vân Kiều truyện của Thanh tâm tài-nhân. Nếu quả vậy thì lời tựa ấy có thể khiến chúng ta ngờ là Kim Vân Kiều truyện có thể đã lưu-hành ở nước ta từ lâu chứ không phải là đến mãi năm 1814 Nguyễn-Du đi sứ Tàu mới đem về. Vả chăng khi viết bài tựa ấy mà Nguyễn văn Thắng gọi Nguyễn Du là quang Đôn các, theo chức quan Nguyễn-Du mang trong khoảng từ 1805 đến 1809 là lúc bổ Cai bạ Quảng-bình, (tức là trước khi đi sứ), thế là ông hẳn có thấy trên một bản sách của Nguyễn-Du mà năm 1830, khi bị hạ ngục ông đọc cho khuây, đề mấy chữ Đông-các học-sĩ ở trên tên Nguyễn-Du, điều ấy khiến ta ngờ rằng Nguyễn-Du viết Đoạn-trường tân-thanh từ khi đương làm quan ở chức ấy. (Nhân xem bài Nguyễn-văn-Thắng của Hoa-Bằng ở Tri-Tân số 85, ngày 4 Mars 1943).

MÙA THI ĐÃ TỚI

* *Bạn nào có con em thi SƠ-HỌC YẾU-LƯỢC thì nên cho dùng:*

Tập bài thi bằng Sơ-học yếu-lược

hai ông Dương-quảng-Hàm và Dương-tự-Quán in lại lần thứ 8 — Giá 0$75 — Cước 0$20.

Bạn nào có con em thi **Certificat** *thì cho dùng:*

Cent Rédactions corrigées

hai ông Trần-huy-Cơ và Nguyễn-huy-Hoàng, in lại lần thứ 2 — Giá 0$95 Cước 0$20.

Recueil de Dictées

Dương-q-Hàm, in lần thứ 3, giá 1$20, cước 0$30.

Đề cho hiệu sách ĐÔNG-TÂY

195 Hàng Bông — HANOI

Nói chuyện tại hội Trí-Tri Nam-định

TÌNH TRẠNG NỀN HỌC XƯA VÀ CHÍ HƯỚNG NGƯỜI HỌC TRÒ XƯA

SỐ 3

Nhật-nham TRỊNH-NHƯ-TÂU

Xưa kia ba năm mới mở khoa thi một lần, số sĩ-tử không phải là ít, thi văn-bài đã khó lại thêm bao nhiêu quy-thức không thể vượt qua như phải đóng quyển viết bài thi cho hợp pháp, không được đồ, di, câu, cải, phạm trường-quy, phạm húy, không được ngoan-nan, vì vậy lắm người tới khi đầu bạc, rang long, còn lảo-đảo nơi trường-ốc. Như thế thì xưa cũng như nay, sự học cũng vất vả, kho khan, nhẫn-nại tâm mới có thể thành-tựu, chứ không thể dễ dàng mà thành danh được. Nếu dễ vậy, thì chẳng hoá ra «cái giá khoa-danh ấy cũng hời», lắm rủ! Những chữ trong Tam-Tự-Kinh. «Như Nang Huỳnh», «Như ánh-Tuyết», «Như Phụ-Tân», «Như Quải giác», đều là tả cảnh những học-trò có trí, nhưng gặp cảnh nghèo-nàn phải bắt đom-đóm bỏ vào túi, soi ánh sáng tuyết mà học thay cho đầu đèn. Phụ tân là vừa đội củi, vừa học, quải giác là treo sách vào sừng trâu mà đọc, cổ-nhân vừa học lại vừa hành, không bỏ phí một thời-khắc, tính hiếu-học biết là chừng nào:

Lại như những câu «Đầu huyền trong», «Chùy thích cổ», thuật lại [illegible] người xưa ngồi học, muốn khỏi [illegible] gật, tự treo đầu lên xà-nhà hay [illegible] đùi đâm vào đùi cho tỉnh để có [illegible] đùi mài kinh-sử để chờ đợi khoa. [illegible] cái chí qua-quyết, lòng dũng-[illegible]nh của cổ nhân đều như thế.

Rở pho dã-sử nước nhà, ta thấy biết bao gương nhẫn-nại của tiền-nhân để lại. Vậy xin thuật một vài chuyện người xưa đã từng phấn đấu với nhiều nỗi khó khăn, ngày đêm luyện chí, rèn tài, như trác, như ma, như thiết, như tha, để làm nên sự-nghiệp ích dân lợi nước.

1·) Ông Nguyễn-quốc-Trinh, người làng Nguyệt-áng thuộc thành-phố Hà-nội cùng em là Trụ, sớm mồ côi cha mẹ phải ở với ông nội. Được ít lâu, ông nội mất! Hai anh em không chỗ nương thân, phải đem nhau đến nhờ người chị gái lấy một một ông Nghè trong làng.

May được người chị hiền, thấy hai em có chí bèn thân đến lạy thầy học, nhờ thầy hết sức rèn tập cho hai em nên người, rồi thỉnh thoảng cung-cấp lương-thực đủ hai anh em an học.

Một hôm, chị đem gạo đến cho các em, thầy Trinh đương đi thả diều! Chị vào trình thầy, xin ran giậy cho.

Thầy gọi Trinh về, mắng: «Tội con đáng đánh. Thầy ra câu đối này, nếu làm được thì thạ, không làm được thì phải đòn».

«Mê chơi, chẳng học, quên nhời chị!»

Trinh ứng khẩu, đối ngay:

«Thi đỗ, làm quan nức tiếng thầy!».

Từ đó, hai anh em Trinh chăm chỉ dùi mài, học hành mỗi ngày một tấn tới.

Năm Bính-thân đời Thịnh-đức (1653-1657) triều Lê-thần-tôn, hai anh em cùng vào tam trường khoa Hội. Lúc đôi sách Đại dinh, ông Trinh quên mất vài mục. Ông Trụ nhớ, định nhắc anh, nhưng ông Trinh gạt đi:

— Phải nhờ em nhắc mới đỗ được! Đỗ thế thì nhục lắm! Thôi em nhớ thì em làm. Anh quên thì anh chờ đến khoa sau, vội gì.

Nói xong, quẩn lều chiếu, ông ra ngay khỏi trường.

Khoa ấy, ông Trụ đỗ Đồng-Tiến-sĩ.

Đến khoa Kỷ-hợi niên-hiệu Vĩnh-thọ (1658-1661 đời Lê-Thần-tôn, ông Trinh đỗ Trạng-nguyên. Vì bốn kỳ thi đều thứ nhất, nên ông được vua ban tên là Quốc-khôi, sau thang đến Lại-bộ Thị-lang.

Xem như một ông Trinh thì đủ biết, người xưa khẳng khái biết chừng nào. Muộn chác còn hơn sớm lép, ông vui lòng chờ đến khoa sau để đủ thì-giờ học thêm cho thành tài. Cái khí-phách ấy với cái chân-tài của cổ-nhân đã tạo nên cái chân-giá-trị là một vật bảu không phải sẵn có ở đương-thời.

2·) Ông Lương-Hữu-Khánh người xã Hội-triều, huyện Hoằng-Hóa (Thanh-Hóa), mồ côi cha, từ khi còn trong bụng mẹ.

Lúc nhỏn, Khánh an rất khoẻ,

gấp ba, bốn người khác. Mẹ thường phải nhịn đói để phần cơm cho con ăn và đi học.

Sau vì cảnh nhà quẫn bách, Khánh phải xin phép mẹ ra ngoài kiếm ăn.

Từ đó lang-thang nay đây mai đó, tìm vào các nhà học-trò, xin gà thơ phú để kiếm ăn.

Một hôm qua bến đò sông Tam-kỳ, Khánh chợt gặp 5, 6 nhà sư đi cúng về, tay sách rất nhiều oản quả. Nhà sư thấy ông có vẻ đói, thương tình, cho vài phẩm oản.

Ông từ tạ: « Tôi là một kẻ thư-sinh, nhỡ bước vài hôm nay, nay gặp được các vị Bồ-Tát, tưởng các ngài rộng lòng bố-thí, cho tôi no đủ. Ai ngờ được vài phẩm oản thì ăn chẳng bõ chua miệng ».

Chư-tăng trông nhau, cả cười, rồi bảo ông: « Anh đã tự xưng là học-trò, tất phải biết làm thơ. Vậy anh thử làm một bài: « Sư và học-trò cùng đi một chuyến đò ». Hễ qua sông mà xong thì cho cả dãy oản ».

Chưa tới bến, thơ đã xong, ông ngâm to:

Này hòm kinh-sử, chạp kim-cương
Ngươi tớ cùng sang một chuyến dương:
Ngươi đến nhà chay, ngươi đủng đỉnh,
Tớ vào đài các, tớ nghênh-ngang.
Ngươi sao chẳng nhớ nhời Hàn-Dũ!
Tớ vẫn còn căm truyện Thủy hoàng!
Này đoạn kỳ này, Nho, Thích biệt,
Ngươi về phụng phật, tớ phù Vương....

Nghe xong bài thơ, các Hoà-Thượng đều khen hay, cho cả 70 phẩm oản.

Ông đem ra đầu thuyền, một mình ăn một lúc hết cả.

Chư-tăng góp được hơn quan tiền còn lại trong túi, đưa ra tặng ông, rồi hai bên từ-biệt.

Từ đó, ông phải đem thân đi làm thuê, độ nhật.

Năm 18 tuổi, sang học cụ Trạng-Trình. Cụ Trạng là học-trò quan Bảng Lương-Đắc Bằng sinh ra ông Khanh, nay thấy con thầy có tài, đem lòng quý mến.

Tới khoa thi, ba kỳ ông Khánh đều đậu Khôi-nguyên. Vào đình đối, các quan giám-khảo thấy ông là người Thanh-hóa, để ông xuống thứ nhì mà nhắc ông Giáp-Hải lên nhất, nên ông bỏ dở không thi nữa. Vì thế, ông Giáp-Hải đỗ Trạng Nguyên.

Sau nhà Lê trung-hưng, với ông Khánh ra làm Thị-Lang, tham-dự quân-quốc trọng-sự. Vì lập được nhiều chiến-công, ông được liệt vào bậc Trung-hưng Công-thần và làm quan đến Binh-bộ Thượng-thư.

Thực là bỗ lúc phong-trần rày rạn! Trong trần-ai, ai biết mặt công-hầu!

3·) Ông Nguyễn-đang-Đạo, người làng Hoài-bão, huyện Tiên-du, sứ Kinh-bắc, đỗ Trạng-nguyên niên hiệu Chính-hòa (1680-1705) về thời Hậu-Lê, tục danh là ông Trạng Bựu, làm quan đến Tham tụng tước quận-công, lúc thiếu-thời theo thầy ra tận Thang-long học.

Nhưng vì nhà ông bần-bách, không sao lo được tiền du-học ở Kinh-thành, phải ở làng lo làm ăn thêm, nên cứ mờ đất đã phải dạy mà ra Kinh sớm.

(Còn nữa)

Nhật-nham TRỊNH-NHƯ-TẤU

SÁCH MỚI

T. T. nhận được và xin giới-thiệu

1·) **Phụ-nữ với hôn-nhân** của bác-sĩ Gina Lombroso do Viên-Đình dịch. Sách dày 140 trang, Giá bán: **1$00**

2·) **Luận về tiếng nam** của Ngô-quang-Châu, sách in đẹp, dày 100 trang, giá: **0$70**

(Hai quyển trên đều do Đời Mới xuất-bản).

3·) **Tâm lý học** (Tri-Tuệ) do Mai-Lĩnh xuất-bản trong loại « *Giáo dục tùng-thư* » của Nguyễn-đức-Tình.

Sách giấy 132 trang, giá: **1$20**

Xin cảm ơn và vui lòng giới-thiệu cùng bạn đọc. T. T.

ĐÃ CÓ BÁN: **ĐÀO-DUY-ANH**

*

TRUNG HOA SỬ CƯƠNG

(Từ đời Thái-cổ đến ngày nay, quyển sách đầu tiên viết bằng quốc-văn về lịch-sử Trung-hoa là nước văn-minh xưa nhất Á-đông và đã làm thầy văn hóa cho nước ta trong gần hai mươi thế kỷ)

Giá bán: 8$00

VĂN-HÓA
29, Maréchal Pétain — Huế

ĐỌC
TRIẾT - HỌC NIETZSCHE
của
Nguyễn - Đình - Thi

TRỊNH-NHƯ-NGHÊ

TRONG văn chương Việt-nam hiện đang có một phong trào triết học »: những cuốn sách nghiên-cứu về đời sống và tư-tưởng của các triết nhân đông tây theo nhau xuất hiện rất nhiều: đó cũng là một điều đáng mừng. Tiếc thay, bên một vài tác phẩm có chân giá-trị, phần đông những cuốn sách triết-học bày tại các thư quán chỉ khiến độc giả thất vọng.

Bởi vậy, chúng tôi đã giở những trang đầu của cuốn « Triết học Nietzsche » với một tấm lòng ngờ-vực, thứ nhất là bìa sách mang một tên mới lạ: ông Nguyễn-đình-Thi. Nhưng đọc xong mấy chương đầu, may chúng tôi không đến nỗi thất vọng.

***

Thực thế, triết-học Nietzsche, dưới ngọn bút của Nguyễn-quân, đã được trình bày một cách khéo léo. Trong một phần thứ nhất, tác giả thuật lại tiểu-sử của Nietzsche và nhân đó vạch rõ cuộc thành hình của tư-tưởng Nietzsche, vì « đời sống của Nietzsche với tư-tưởng ông không thể tách làm đôi được » mà suốt đời, Nietzsche đã chỉ tự đi tìm Nietzsche, « tìm-tòi và phân tích khi còn trẻ » để « kết tinh khi tuổi đã cao, chí đã vững ».

Trong phần thứ hai dành cho cuộc phân tích. Triết học Nietzsche, Nguyễn-quân đã tỏ ra biết dùng một phương pháp rất khoa học: chương đầu cho chúng ta biết « Phương pháp suy luận và dẫn [illegible] của Nietzsche », chương thứ [illegible] đặt rõ « Những quan niệm căn [illegible] của triết-học Nietzsche ». [illegible] chương thứ ba, chúng ta [illegible] Nietzsche dùng những quan [illegible] căn bản ấy để nghiên cứu về lịch-sử và xã-hội ra sao. Và sau hết, trong chương cuối, « học thuyết siêu nhân » kỳ dị và mạnh mẽ hiện lên, rực-rỡ và sáng-sủa, — sáng-sủa vì đó chỉ là một nhời kết luận hiển nhiên, khi Nietzsche áp dụng những nguyên tắc căn bản của ông vào vấn-đề luân-lý — vấn-đề « hành động ».

Tác giả kết-thúc bằng một phần phê-bình. « Nietzsche với văn chương Pháp », trong đó ông giải thích những tác phẩm của André Gide, — nhà văn đã làm đảo lộn văn học hiện-đại —, của nữ thi-sĩ trứ danh De Noailles, và của những học trò gần xa của Nietzsche.

***

Song chúng tôi nhận thấy hai điều đáng tiếc: điều thứ nhất là có nhiều chương không được đầy-đủ: chẳng hạn đọc « những quan-niệm căn-bản của Nietzsche » thì thấy hình như còn thiếu sót và những chỗ thiếu sót đó khiến chúng tôi không được hài lòng.

Điều đáng tiếc thứ hai là trong một vài chỗ tác-giả đã hơi vội vàng: nhời văn không chuốt, nhiều khi thiếu liên-lạc thành ra khó hiểu như những giòng sau đây, khi nói đến Nietzsche công kích Wagner, nhà nhạc-sĩ già, người bạn thiết của Nietzsche trong bảy, tám năm trời chỉ vì một sự bất đồng ý mà xa lánh hẳn nhau:

« *Wagner thì chỉ thấy người mà ông coi như học-trò, chỉ-trích ông, chê-bai tất cả những ý-tưởng của ông, chê-bai cả đến nghệ-thuật của ông, và lòng tự ái bị tổn thương của một nghệ-sĩ độc-đoán vì được hoan-nghênh, lòng tức giận của một người thấy tất cả những sự tin-tưởng của mình bị chỉ-trích bởi một khối óc mà ông, coi là sai-lạc, và hơn nữa nỗi thương đau-đớn của một ông già vì một hành-động mà ông coi như sự phản-trắc của một người bạn thân đã khiến Wagner bỏ hẳn sự giao-thiệp với người bạn trẻ của ông...* » (trang 58).

Và trong đoạn kết phần « Tri-thức của Nietzsche »:

«...*Trong khi vứt bỏ những cái gì thuộc về người ra khỏi thiên-nhiên, triết-nhân học nghệ-thuật « thiên-nhiên hóa » con người, nghệ-thuật suy tưởng lịch-sử loài người như một tấn bi-kịch của « bản năng muốn cai quản », nghệ-thuật coi đời sống như một động lực sáng hóa lúc nào cũng tìm cách tự vượt khỏi nó* ». (trang 110)

Thêm vào những giòng tối-tăm đó, nhiều đoạn tác-giả chịu ảnh-hưởng của văn-chương Pháp nhiều quá đến nỗi ta có cảm-tưởng như là văn dịch:

« *Những vở kịch* mà *ông viết cho người* đầy đủ...» (tr. 45), «...*quê hương có một vẻ đẹp* mà *những người thường không hiểu nổi*...» (tr. 73)

Những tiếng « *mà* » kể trên gặp luôn luôn trong cuốn sách của Nguyễn-quân để dịch chữ « *que* »

trong Pháp văn nhiều khi vô ích, có thể bỏ đi mà câu văn không những vẫn còn y nguyên nghĩa cũ, lại còn thêm gọn-gàng nữa.

Tuy nhiên, toàn thể cuốn sách cũng có đủ hấp lực, khiến người đọc say mê, có lẽ vì triết-lý Nietzche vốn bồng-bột sẵn và thứ nhất là có lẽ vì người viết cũng sẵn nhiều tình cảm.

Thực vậy, nếu chúng tôi không lầm thì Nguyễn-quân hẳn còn trẻ tuổi lắm vì nhời « Triết học Nietzsche » là một nhời văn sôi nổi tuy cố giữ một bề ngoài bình-thản. Và sau những nhời phê bình cố giữ vô-tư, chúng tôi nhận thấy một lòng tin tưởng mạnh-mẽ. Bạn đọc thử lướt qua mấy giòng sau đây, sẽ rõ những điều đó :

« *Muốn cho người ngày nay có thể trở lại với bản chất của loài người, đạt tới lý-tưởng khỏe và đẹp, khỏe trong linh-hồn và ngoài thân-thể, đẹp trong linh-hồn và ngoài hình thức, phải trả người cho những bản-năng mạnh mẽ, những tình tự mãnh-liệt đã tạo nên một nhân loại xanh tươi và đầy nhựa sống, trong những ngày niên thiếu của loài người...* » (tr. 159).

hay :

« *Siêu-nhân là một nghệ-sĩ, thứ nhất là một thi-sĩ, nghĩa là một sinh-vật có cảm hứng dồi-dào và dễ say sưa trước cái đẹp nhưng cái đẹp với siêu-nhân là gì ? — Là tất cả những gì bay cao, mở rộng những gì muốn đốt cháy, những gì sang láng. Và trước mặt trời, siêu-nhân say mê một cách cảm động, cũng như trước sự sống quý báu... Siêu-nhân ca tụng ánh nắng rực-rỡ những buổi sáng, những buổi trưa, với những buổi chiều nặng trĩu những quả...* » (tr. 169)

Tấm lòng say mê giúp Nguyễn-quân hiểu dễ-dàng một triết lý say mê. Bởi vậy, những đoạn ông dịch văn Nietzsche cũng hoạt-động và đằm thắm :

« Mỗi một khoảnh khắc nuốt sống khoảnh khắc đi trước ; bây giờ giết chết vừa rồi, mỗi một sinh thành là cái chết của không biết bao nhiêu sinh vật : đẻ, sống, và giết chỉ là một...» (tr. 42)

hay :

« Đứa bé nghĩa là thơ-ngây và quên lãng ; đứa bé là một cuộc đời mới và một trò chơi, một cái bánh xe lăn trên chính nó một cử-chỉ đầu tiên, một nhời khẳng định đáng thờ kính ». (tr. 99)

Bên những đoạn say sưa hoặc cảm-động, chúng ta còn thấy những phương châm mạnh-mẽ :

« Chỉ nên nhận sau khi chọn lọc ! Phải phân biệt khi lấy » (tr. 146), hay « Người là một cái phải được vượt qua » (tr. 157) hay nữa « Ý chí phá xiềng sích vì ý chí sáng tạo, và chỉ được tìm biết để sáng tạo...» (tr. 171)

Những câu cách-ngôn đẹp đẽ và huyền-ảo của Nietzsche còn nhiều lắm : nhưng mấy thí-dụ trên cũng đủ khiến chúng ta đoán được những kho-tàng chứa trong các tác-phẩm của Nietzsche mà Nguyễn-quân đã giới-thiệu cho ta thấy một đôi phần.

Lòng say-mê có thể khiến Nguyễn-quân nhìn nhận sai-lầm những quan-niệm lẫn trong những bài thơ không vần đầy huyền-ảo của Nietzsche. Nhưng không, ông đã được một ý thức chắc chắn về triết-học-sử dìu-dắt : lý-trí định hướng cho tình cảm ông một cách rõ rệt. Bởi vậy chúng ta thấy ông nhận được rõ đường đi của tư-tưởng nhân loại, và đặt được Nietzsche vào trong lịch-trình tiếu.hóa của triết-học một cách xác-đáng. Biết được địa vị của triết-học Nietzsche rồi thì nhìn thấy giá-trị của học-thuyết ấy chỉ còn là một trò trẻ.

Bởi tất cả những lẽ trên đây, cuốn triết học Nietzsche là kết quả của một sự cố-gắng đáng khuyến khích. Tuy không phải là một tác phẩm hoàn toàn, cuốn sách đó ra đời cũng rất hợp-thời và rất xứng đáng nằm trong mọi tủ sách vì nó có một giá-trị khảo-cứu vì tác giả đã nhìn được nhiều điều mới lạ, tuy một đôi khi có hơi bồng bột và nhất là nó dẫn chúng ta đến những tư-tưởng kỳ-ảo, những tư tưởng khiến chúng ta muốn cùng bà Noaille nói :

« *Ôi cái đẹp của thời khắc bầu trời của tất cả các xứ.*

Ôi những cuộc phiêu lưu thần tiên tiếng gọi của những tự xa lạ !

TRỊNH-NHƯ-NGHĨ

Tissus locaux

ÉTABLISSEMENT CAO-DOT

Chuyên bán buôn và nhận dệt khoán các thứ hàng nội-hóa như :

Douppion, Shan-tung, Faux shangtung, Lin, Faux tropical-Tussor, Tussor demi-soie, Toile de soie, de rayonne, Toile tailleur, bao tải đựng ngô, gạo, vân vân.

Nơi giao dịch :

Thơ bảo đảm và bưu phiếu xin gửi về cho **M. Bùi thọ Cao :**

12 Rue Strasbourg

HAIPHONG

Muốn lấy mẫu, xin gửi 0$50 bằng timbre để làm cước phí.

NAM - ĐÀN - BÁT - CHÂU TỤC - THẢO

Số 14

Tác-giả : TÙNG-VÂN *đạo-nhân*

XXVIII

Tự-thuật, bài thứ nhất

(Thơ soạn)

Khoa Bính-ngọ, viết thơ Đào-lý ;
Phú Vị-kiều, *thi đỗ Tú-tài.*
Phong-lưu vốn sẵn tính trời,
Pha nghề quất hạnh, đủ mùi trúc ty.
Bút thư-hoa, có khi có lúc,
Bạn Nghi, Vu hi thánh, hi hiền.
Thình-lình cao-các bước lên,
Ngon bút sắt mới góp trên tao-đàn.

Chú thích

Khoa Bính-ngọ. — Hồi vua Thành-Thái năm thứ 18 (1906), trường Hà, trường Nam hợp thi ; đầu bài thơ « Đào-lý tân-âm », phú «Vị-kiều lập-thạch ». Người đỗ giải-nguyên là ông Phạm-Tư-Trực, người tỉnh Thái-bình. Nam ấy tiểu-đạo tuổi 29, xã-hội đã bắt đầu có tân-thư xuất-hiện, do người Tàu lưu-hành sang, sĩ-phu đã có một số người chán lối khoa-cử, đọc sách Khang, Lương. Chính như tiểu-đạo cũng nhận Lương-Khải-Siêu là một vị « Bắc-phương-giai-nhân ».

Quất-hạnh. — Quất tỉnh, hạnh viên, mĩ-hiệu của nhà hương-y về môn thuốc bắc. Nghề làm thuốc cũng là một nghề cứu-vớt đồng-bào xã-hội, cho nên bắt đầu lý-hội.

Trúc-ty.— Tiếng trúc, tiếng ty, [illegible]uộc vui của bộ nữ-nhạc về thú [illegible]ông-sơn. Tạ-An đòi Tân thường [illegible] kỹ-nữ du Đông-sơn. Tuy-nhiên, [illegible]c thưởng kỹ-nư cung có phân-[illegible] cổ, kim, tinh-thần, vật chất. [illegible]n lại thì sĩ-quân-tử đôi với dâm-[illegible]anh mỹ-sắc, đều nên tránh xa.

Thư, họa. — Thư là nghề viết, họa là nghề vẽ, đều là nghề mỹ-thuật của Đông-phương. Nghề viết thì lấy bút-pháp Lan-đình-thiếp làm tối-tinh ; nghề vẽ thì lấy họa-học Giới-tử-viên làm hoàn-mỹ.

Nghi, Vu. — Sách Luận-ngữ : học-trò đức Khổng là thầy Tang-Điểm nói chí : « Tháng mộ-xuân, cùng bạn quán-đồng tắm nước sông Nghi, hóng gió đài Vũ-vu, ca-vịnh rồi về ». Nói cái lạc-thú của con nhà học đạo thánh-hiền. Tây-hồ-tụng : « Tràng Phụng-thiên sẵn thú Nghi, Vu » (học-trò lớn là hạng quán-giả, học-trò nhỏ-bé là hạng đồng-tử).

Cao-các bước lên. — Nói Hán-học đã phế, bọn nhà nho đã về nghỉ. Tấn-sử : « Thử bối nghi thúc chi cao-các », nghĩa là lũ ấy nên xếp ở gác cao.

Ngọn bút sắt mới. — Bút lông đã thoát thai ra bút sắt, văn-đàn hồi ấy Việt-văn đã là phần chính, Hán-văn chỉ là phần phụ. Bài hát nói « Bút lông, bút sắt » : « Thốn-tâm thiên-cổ-sự, đã chơi văn cho phải biết tình van ; lông chi cựu, đối sắt chi tân, lòng với sắt càng thêm lý-thú. . .» (Lời hát nói ấy nguyên là tác-giả tự soạn, từng đang về mục « Phỏng-cổ hài-văn » trong báo Nam-phong, nay xin trích ra mấy câu để tiện đường giải-thích.

Tự-thuật, bài thứ hai

(thơ soạn)

Chữ « lão bệnh » vốn chữ nhàn trong lục-địa,
Cảnh thần-tiên theo giá rẻ mà mua.
Hồi đầu giấc mộng vi-nho :
Khang, Lương là thế, Trình, Chu những gì?
Đông-bích giữ lề dăm đụn sách ;
Nam-phong ghi điệu mấy cung đàn.
Tấm thân rầy đã thanh nhàn,
Ân trả nợ đền, còn tập « Quốc-âm ».

Chú thích :

Lão bệnh. — Tiểu-đạo tuổi 54, bắt đầu mắc bệnh thất-minh, đang ở cái thế-giới lỗi-lỗi lạc-lạc, chợt bước sang cái thế-giới ảo-minh, đến nay kể đã 12 năm. Nhưng trái lại thì tiểu-đạo vẫn tự cho mình là một kẻ thiếu-niên-tiên trong đạo-học-giới, Quốc-âm-giới.

Khang, Lương. — Khang-Hữu-Vi hiệu là Nam-Hải. Lương-Khải-Siêu hiệu là Ẩm-Bang, là hai nhà văn-hào về hồi Đại-Thanh Quang-tự mới đây, bắt đầu thâu-nhập Thái-tây tư-tưởng học-thuyết, đề-xướng phong-trào duy-tân ở Trung-hoa. Phái nhà Nho ở Nam-Á chịu ảnh-hưởng rất nhiều.

Trình, Chu. — Trình-Hiệu hiệu là Minh-Đạo, Trình-Di hiệu là Y-Xuyên, Chu-Hi hiệu là Hối-Am, đều là các vị danh-nho nhà Tống. Anh em họ Trình phục-hưng lối học « Chính tâm, tu thân, tề-gia, trị quốc » của Khổng, Mạnh ; họ Chu tập chư-nho chi đại-thành ; đời sau gọi là Tống-nho học-thuyết. Học-thuyết của Tống-nho đã từng đứng về cái địa vị tôn qui ở Đông-Á khoảng ngót một nghìn nam, đến nay vẫn còn giá-trị.

Tập « Quốc-âm ».— Tức là tập « Nam-đàn bát-châu thi-thảo », mục đích là phục-hưng lấy cách điệu Nam-âm, thâu-thái lấy pháp-độ Đường-luật, ngõ-hầu đối với văn-học lịch-sử quốc-âm sau này, đền bồi được mnôn một vậy.

(sẽ tiếp)

Hà-đông HI-ÁN-THỊ

Bản sách dẫn về : Đại-Nam liệt-truyện

Số 14 *Tho-Xuân LÊ-VĂN-PHÚC*

TÊN, HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ QUÁN	Tập (1)	Quyển	Trang	NÓC HỞ
KIẾM 建 Nguyễn mậu		*Nam định, Trực định*	N	42	14a	*Sau thuộc Thái bình, nay không còn.*
KIẾT 吉 Đỗ xuân	*tự Bá trinh*	*Thanh hóa, Hoằng hóa*	N	42	7a	*cũng đọc Cát.*
KIẾT » Nguyễn gia		*Bắc ninh, Văn giang*	S	27	21a	
KIẾT » Nguyễn thế	*tự Thế bảo*	*Nghệ an, Đông thành*	N	40	3a	
KIỀU 喬 Đặng văn	*tự Tòng niên*	*Hà tịnh, Thạch hà*	N	38	24a	
KIỀU » Nguyễn cửu		*Thanh hóa, Qui huyện*	T	4	1b	
KIM 金 Nguyễn thị		*Bắc ninh, Lương tài*	S	29	9b	
KÍNH 璥 Nguyễn hữu		*Thanh hóa, Qui huyện*	T	3	43a	*cũng đọc Cảnh*
KÍNH 敬 Phạm hữu		*Quảng nam, Diên phước*	T	5	28b	*cũng đọc Kỉnh*
21						
KH						
KHÁCH 客 Ngô thị		*Biên hòa*	N	44	9a	
KHẢI 啓 Đặng		*Bắc ninh, Văn giang*	N	26	19b	
KHẢI 凱 Đặng văn		*Hà tịnh, Thạch hà*	N	41	11b	
KHẢI 啓 Võ phạm	*tự Đông dương*	*Ninh bình, Yên mô*	N	31	7b	
KHAM 堪 Nguyễn tư		*Bắc ninh, Đông ngạn*	N	35	18a	*con Nguyễn tư Giản*
KHẢNG 慷 Mai sĩ	*nguyên họ Nguyễn*	*Thanh hóa, Nga sơn*	S	29	1b	
KHÁNH 慶 Trần đình		*Quảng trị, Minh linh*	T	5	25a	
KHÁNH » Võ		*Huế*	S	6	15b	*con Võ Tánh*
KHIÊM 謙 Nguyễn doãn		*Thừa thiên, Hương trà*	S	12	11b	
KHIÊM » Nguyễn văn		*Thừa thiên, Phong điền*	S	13	11a	
KHIÊM » Ông ích	*tự Mục chi*	*Quảng nam, Diên phước*	N	30	18b	*vì tị quốc hủy đổi là Kiểm*
KHOA 科 Đoàn văn		*Biên hòa, Phước chánh*	S	13	28b	*nay là vùng chàn thành*
KHOA » Hồ văn		*Biên hòa, Long thành*	S	13	25a	*và Tân uyên*
KHOA » Lê đăng		*Gia định*	S	19	15a	
KHOA » Nguyễn văn		*Khánh hòa*	N	42	19b	
KHOAN 寬 Bùi		*không biết*	S	13	28a	*thờ tại Hiền trung từ*
KHOAN » Nguyễn khắc		*Quảng bình, Lệ thủy*	S	19	3b	
KHOAN » Phạm văn		*Biên hòa, Long thành*	S	16	23a	
KHOAN » Trần đức		*không biết*	S	10	10a	*mộ tại Gia định*
KHOÁNG 壙 Bùi quang		*Quảng trị, Hải lang*	N	41	2b	
KHOÁNG 曠 Nguyễn danh	*hựu danh Luận*	*không biết*	T	5	41b	*bị hại tại Càmau*
KHỔ 庫 Không biết họ		*Thanh hóa, Qui huyện*	T	4	26b	*đày tớ Bùi công Kế*
KHÔI 傀 Lê văn	*nguyên họ Bế*	*Cao bằng*	N	45	1a	
KHÔI 魁 Tống văn	*cũng gọi Nguyễn cửu*	*Gia định, Bình dương*	T	4	25b	
KHỞI 起 Nguyễn huy	*tự Hòa khanh*	*Thanh hóa, Hoằng hóa*	N	34	7a	
KHUÊ 奎 Doãn		*Nam định, Thư trì*	N	33	4b	*nay thuộc Thái bình*
KHUÊ » Đặng hữu		*Thừa thiên, Phú vang*	N	41	10b	*Tổng mục chép Đạng vỉ*
KHUÊ » Hồ văn		*Thừa thiên, Hương trà*	N	16	7a	
KHUÊ 圭 Tạ hữu	*tự Thoại phủ*	*Nghệ an, Đông thành*	N	29	18b	
KHUÊ 奎 Văn đức	*tự Mỹ phủ*	*Nghệ an, Quỳnh lưu*	N	35	19b	
KHUÔNG 匡 Nguyễn đăng		*Thừa thiên, Hương trà*	T	5	12b	
KHUÔNG » Tống phước		*Thừa thiên*	S	5	2a	

1) T : Tiền biên, S : Sơ tập, N : Nhị tập

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 10

NGUYỄN HUY TƯỞNG

MỘT khi đã làm con rể ta thì ai dam phạm đến.

— Đó là thiếp lo xa cho em, vì nó chỉ có chúa-thượng che-chở, mà quân thù thì khắp cõi kinh-thành, nhất là quan Hộ-thành mơi.

— Như ý ái-khanh ta nên cất chức Nguyễn-Mại ?

Tâu chúa thượng, thiếp dám đâu có ý ấy. Chỉ xin chúa thượng rủ lòng thương đến em tiện-thiếp mà che chở cho chu-đáo.

— Y ái khanh muốn thế nào ? Ta không che chở cho con rể thì che chở cho ai ?

— Em thiếp có cái lệ hay xuất-du. Những lúc ấy thân cô thế cô, thiếp lo cho nó lắm. Cha mẹ tiện thiếp sinh có nó là trai, có mệnh hệ nào thì là mất giống. Vậy xin chúa-thượng ban cho nó mấy chữ để vào biển hay cờ, để cho thiên hạ sợ uy chúa thượng mà không dám phạm đến nó.

Chúa cười và nói :

— Ái-khanh sốt, nên nghĩ lắm nhảm. Ái-khanh cứ yên tâm ta tự đảm nhận việc ấy.

— Trăm sự tiện-thiếp nhờ chúa thượng cả. Tiện thiếp phận ngu, chỉ vì quá thương em, nên mơi quấy nhiễu chúa-thương. xin chúa thương lượng tình cho.

IV

Đêm hội Long Trì đã hết, chỉ còn trờ nỗi tiếc mong trong lòng quân-chúa. Khi canh gà rộn rã, một hồi trống đanh kết-thúc đêm vui, Quỳnh Hoa như người choàng tỉnh một giấc mộng đẹp. Nàng còn ngây ngất. Chúa Tĩnh-Đô hỏi nàng bằng giọng ân-cần :

Con ta về cung chứ ?

Nàng tâu :

Rước phụ-vương xuống thuyền. Mặt nàng eo vẻ bơ phờ sau một đêm không ngủ. Mắt nàng chìm trong giấc mộng qua. Nàng hồi tưởng lại cảnh mơ-màng trong đêm hội, những đèn muôn sắc, những trái giả-sơn, những hàng quán, nàng hình ảnh cuộc thi văn-chương, vẻ phong lưu nho nhã của Bảo-Kim, và như cái máy, nàng đọc mấy câu hay nhất trong bài phú Long-trì.

Chúa hỏi :

— Con còn luyến tiếc cuộc vui sao?

Nàng thẹn đỏ mặt, cúi gằm xuống. Chúa nói :

Lại đợi đến sang năm,

Quỳnh-Hoà giật mình. Nàng vẫn vơ có cái ý nghĩ không vui :

— Sang năm tức là không bao giờ nữa !

Nàng càng thấy luyến tiếc đêm qua, một đêm thần tiên của trần thế. Hình ảnh chàng công tử hào-hoa lại hiện rõ trong trí nàng. Rồi liên tưởng, nàng nghĩ đến cái hôm, nhân một ngày xuân tươi đẹp, nàng theo Thái phi ra chùa Trấn quốc làm lễ. Vừa ở kiệu phượng bước xuống, nàng đã bắt gặp đôi mắt mơ màng của chàng họ Nguyễn. Và trong suốt buổi lễ, nàng có cảm tưởng như chàng thanh niên nho nhã kia vẫn chăm chú nhìn nàng.

Thuyền ngự cập bến, cuộc vui hoàn toàn kết liễu. Quỳnh Hoa còn thần thơ chưa nỡ rời chân. Chúa mắng yên :

— Con gái, cha hư quá !

E nhỉ nhơi, làm phật ý con, vì ngài biết nàng rất hay nghĩ ngợi, chúa Tĩnh Đô nói tiếp ngay :

Con về cung nghỉ nhé, cả một đêm không ngủ hại người lắm đấy. Con vẫn uống thuốc đấy chứ ?

Tâu phụ vương, con đã nghỉ rồi, quốc mẫu bảo con dùng cao.

— Quốc mẫu sành thuốc hơn cha, và dùng cao bổ lắm, con ạ.

Chúa và Tuyên phi sắp lên xe. Nàng quỳ lậy cha và cúi chào Tuyên phi. Thấy nàng lảng tảng mãi không lên được xe, chúa bước xuống xe mình, chạy lại đỡ nàng, khiến cho nàng cảm động rưng rưng nước mắt. Chúa thân đày cho xe đi và bảo nàng :

— Con về nhé.

Nàng quay lại còn thấy cha âu cần nhìn theo, Tuyên phi cũng cố ý làm ra mặt lưu luyến, nhưng với biết bao nhiêu giả dối !

Sinh trưởng giữa một nơi phú qui tột bực, nàng là một người hay buồn nhất trần-gian. Có lẽ vì cơ thể nàng gầy yếu, nhưng cũng vì cảnh ngộ đơi nàng. Mới đẻ ra nàng đã mồ côi mẹ, không được hưởng chút săn sóc của từ mẫu. Cha nàng thương nàng rất mực, nhưng ngài thường bận việc nước, lại say đắm tửu sắc, không mấy lúc nhãng cuộc truy hoan ; vì thế, nàng thấy cha xa cách quá. Mỗi tháng, họa may mới được gặp một lần. Đột nhiên nàng lại tức giận những kẻ thế chân mẹ nàng, đã làm cho chúa quên cả người quá cố. Nàng thầm oán tuyên phi, người đã bước lên đầu thang sủng ái, và hiện nay chiếm đoạt cả linh hồn cha nàng. Người đàn bà tuyệt sắc kia lại là một con yêu tinh nham hiểm và dâm dật. Chính người ấy đã xui Chúa làm bao nhiêu điều bạc đức chính người ấy đã làm cho chúa mang oán với thần dân, chính người ấy đã làm cho gia đình chúa mất cả vẻ đầm ấm vui vầy. Tất cả lòng ghen nỗi ghét lại nổi dậy trong lòng người thiếu nữ...

Về đến cung riêng, nàng tắm rửa nước thơm, thay quần, đổi áo. Hai con thị nữ mà nàng yêu nhất và đã đặt tên cho là Ái Thi và Ái Nhạc đến dâng quà điểm tâm. Nàng ăn qua loa, rồi lên giường nằm nghỉ.

Nhưng mắt không sao chợp đi được, tay người nàng mỏi rần.

Hình-ảnh Nguyễn Bảo-Kim lại hiện ra với tất cả vẻ hào-hoa phong nhã. Nàng lấy bức lụa, đọc đi đọc lại bài phú Long trì... chợt Ái Thi quỳ bên giường, dâng nàng một bức lụa và thưa :

— Bẩm, khi quận chúa ra về, chúng con xếp dọn đồ đạc, thấy ở cành cây liễu ở trước cửa hàng có một bức lụa có chữ đề, phấp phơ bay theo gió. Chúng con vội đem trình quận chúa.

Nàng đón lấy mảnh lụa. Thoạt nhìn nàng đã biết rõ là chữ ai rồi. Nàng đưa mắt đọc, thì là ba bài tứ tuyệt mà chàng thanh niên thi sĩ, với một lời văn trang nhã và ý nhị, đã viết để tặng nàng. Chàng tán dương tài sắc quận chúa và để lộ trong chín vần cả một tấm tình luyến ái thiết tha. Càng đọc càng thấy hay, chàng ngọc mỗi lúc một hiện ra, như từ trong một kho tàng vô tận trong khi bên tai nàng, trong lòng nàng, đang rạo một điệu nhạc du dương. Quận chúa chập chờn trong giấc mộng... Nàng thiếp đi, bâng khuâng trong một thế giới đầy hoa thơm cỏ đẹp, và vang lừng những tiếng sênh ca.

Chợt nàng rú lên một tiếng hãi hùng. Thị nữ đổ lại. Quận chúa mở bừng mắt ra, thở dài, trào lệ sung sướng, miệng nhoẻn cười trước một mái tóc bạc phơ. Đấy là quốc-mẫu, mẹ chúa Tĩnh-Đô, bà ruột nàng. Thái phi ôm lấy cháu, hỏi :

— Cháu làm sao đó ?

Nàng thưa ;

— Bà đến lúc nào, cháu không biết ! Cháu vừa có một giấc mê sợ lắm, bà ạ !

Nàng ôm lấy Quốc-mẫu, người thân nhất trong đời nàng, người đã nuôi dạy nàng, và trong mọi trường-hợp đều ở gần nàng, người đã tận tâm săn-sóc nàng trong những lúc nàng ôm thập tử nhất sinh, người cùng nàng chung một mối giận đối với Tuyên phi họ Đặng.

Quốc mẫu sờ ngực nàng, vuốt tay cháu gái và nói, giọng hiền từ và thấm thía đến tận đáy lòng :

Cháu cứ nghĩ lan thân, cũng vì thế mà mộng với mị luôn luôn. Bà đã bảo từ hôm qua, cháu không nên ra chơi hội Long trì, người đa yêu, ta phải giữ gìn. Cháu không nghe bà !

— Bà đừng giận cháu nhé. Bà giận thì ai còn yêu cháu. Bà ơi ! Trong hội cháu gặp thằng Đặng-Lân, em Tuyên-phi. Cháu vừa nằm mê thấy nó đánh cháu.

— Ai đánh được cháu bà. Bà thì rằn tan xác nó ra. Đấy bà đã bảo cháu cứ hay nghĩ nên mơi mơ, mơi mộng. Nó làm gì được mà cháu sợ. Nàng thuật lại câu chuyện ở Long trì, và nói tiếp :

— Thằng Đặng Lân bây giờ nó không kiêng nể ai nữa. Nó cậy thế Tuyên phi, làm nhiều điều tàn ác, các quan đại thần cũng phải gờm nó.

Chỉ lại cha chau Bà can không được.

Và hai bà cháu trong cung phòng tĩnh mịch nói chuyện mau lắm chưa Tĩnh Đô, về Tuyên-phi, về Đặng Lân, sau rốt về Nguyễn bảo Kim và Ngọc Mạ.

Quốc-mẫu thở dài :

— Không trừ được chị em họ Đặng, thì loạn mất, cháu ạ.

Hai người nhìn nhau cùng chung một mối lo luôn ..

Ai ngờ cái ác mộng của quận chúa lại thành sự thực. Tin phụ vương nghe lời Tuyên phi nhận gả nàng cho Đặng Lân làm cho nàng tê tái. Tất cả triều đình và phủ liễu, trừ chúa Tĩnh Đô và Tuyên phi, ai nấy đều sững sốt. Tin quan trọng hơn nhưng tin đắc thắng ở phương Nam

Quận chúa đi đi lại lại trong phòng. Nào giận cha, nào tức Tuyên phi, nào ghét Đặng Lân, nào thương Bảo Kim, nàng không sao đừng nguyền được một cho, rượt sốt như bão. Các thị nữ, Ái Thi và Ái Nhạc đều ngơ ngẩn không hiểu làm sao lại có sự gả bán lạ lùng nay, nhất là họ biết chúa đang để tâm kén rể cho quận chúa.

Họ nói :

Không có lý nào. Có lẽ ngài bị con đĩ họ Đặng cho ăn bả nên ngài mới có sự nhầm lẫn này ?

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

MUỐN HIỂU ĐẾN NƠI ĐẾN CHỐN

MỘT DANH-TỪ, MỘT THÀNH-NGỮ, MỘT MÔN HỌC THUẬT

Các bạn cần phải đọc tập tài-liệu

BÁCH KHOA ĐẠI-TỪ-ĐIỂN

của Quốc-Học Thư-Xã

Đón coi tập SỬ-HỌC của cụ Lại-Bộ PHẠM-QUỲNH

RẺ! HAY! ĐẸP!

đó là 3 cái đặc-điểm các sách của thư-xã

Alexandre de Rhodes

Trong lúc những vật-liệu về ấn-loát đều đắt mà các sách của bản-xã lại bán rẻ là cốt ý để quốc-dân ai ai cũng có thể mua được.

—*—

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho
Nhà in MAI-LINH — Hanoi
Tổng phát-hành

MỚI XUẤT BẢN

KIM-VÂN-KIỀU

Theo bản Pháp văn của ông **Nguyễn-văn-Vĩnh** *330 trang khổ 17×23 có nhiều tranh ảnh. Theo thời giá phải bán trên 4$00 mới có lãi mà Loại giấy thường bán có 2$00 (cước 0$54) Loại đặc biệt 7$00 (cước 0$60)*

Lược-khảo Việt-Ngữ

Một bài khảo cứu có giá trị của ông **Lê-văn-Nưu** *đã được giải thưởng của báo Patrie Annamite (ngót 100 trang). Loại thường bán có 0$50 (cước 0$32). Loại đặc biệt 4$00 (cước 0$47)*

SẮP XUẤT BẢN

Thơ Ngụ ngôn

La Fontaine

Pháp văn và bản dịch của ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH. Mỗi bài đều có nhiều tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH (150 trang) khổ to 17×23. Loại thường bán có 1$00 (cước 0$40). Loại đặc biệt bán có 5$00 (cước 0$54)

NHỮNG SÁCH CỦA

Lê-Thăng xuất bản

Imprimerie du Nord

133, Rue du Coton, Hanoi

1) Tiền học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1p 25
2) *Việt nam văn phạm*, Trần-trọng-Kim 3p. 00
3) *Grammaire Annamite* Trần-trọng-Kim 4p. 00
4) *Phật lục*. Trần-trọng-Kim, 0p. 80
5) *De Hanoi à la Courtine* Phạm-duy-Khiêm 1p. 50

ĐANG TÁI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng kim, 5 quyển. Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin gửi trước.

1— Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15%.

NGÔ TẤT TỐ

THI VĂN BÌNH CHÚ

QUYỂN THỨ I : 1$20

QUYỂN THỨ II : 1$50

Đã xuất-bản trong « Tủ sách Tao-Đàn »

Một bộ sách văn học có giá trị họp tập được hết tất cả những bài văn thơ có giá trị từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX. Bình chú rất công phu. Sách in cực đẹp.

NHÀ XUẤT BẢN **HÀN THUYÊN**

Đã có bán

THANH NIÊN và THỰC NGHIỆP

của LÊ-VĂN-SIÊU

Mua cuốn sách để luận về các cách dùng mình, dùng người, dùng hoàn cảnh thời vận để được thành công trên đường thực-nghiệp. Dày 230 trang—Giá : 2$00. Mua một cuốn gửi thêm 0$40 cước đảm bảo, không gửi lãnh hóa giao ngân

Sắp phát hành

NHÂN LOẠI

tiến hóa sử

của NGUYỄN BACH KHOA

Khảo rất kỹ càng về cuộc tiến hóa của loài người từ thượng cổ đến hiện đại

REVUE TRI-TÂN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur : Nguyen-Trường-Phượng Administrateur Gérant : Dương Tụ-Quản
Imp. Tri-Tân — 70, Bạch-Mai Hanoi